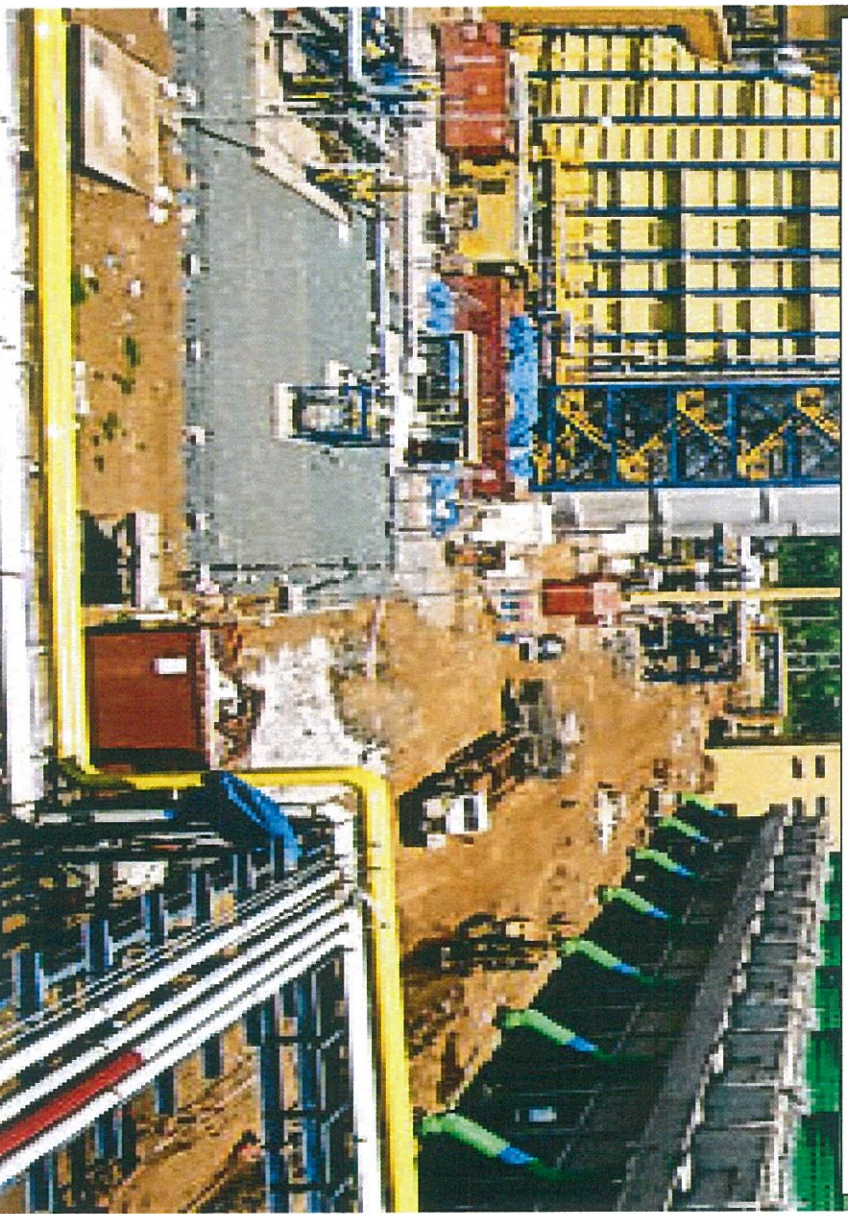




BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014





CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát:

- Tên Doanh nghiệp: **CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM**
- Tên tiếng Anh: PetroVietnam Power Services JSC.
- Tên viết tắt: PVPS
- Địa chỉ giao dịch: Tầng 7, tòa nhà HHH3, khu đô thị Mỹ Đình, Mễ Trì, Từ Liêm, Hà Nội.
- Điện thoại: (84-4) 3 7878186 FAX: (84-4) 3 7878185
- Website: www.pvps.vn
- Giấy đăng ký kinh doanh số: **0102560459**, do Sở KH&ĐT Tp. Hà Nội cấp sửa đổi lần 7 ngày 02/10/2014 (chuyển đổi từ số 0103021005 cấp lần đầu ngày 27/11/2007).
- Vốn Điều lệ: **150.000.000.000 đ (Một trăm năm mươi tỷ đồng./.)**
- Mã chứng khoán: **PPS**

2. Quá trình hình thành và phát triển:

2.1. Thành lập:

Trước những yêu cầu thực tế khách quan, với mục tiêu chuyên môn hóa công tác dịch vụ kỹ thuật thực hiện các nhiệm vụ bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa và vận hành các nhà máy điện trong và ngoài ngành Dầu khí, Tập Đoàn Dầu khí Việt Nam và Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam xác định cần có một đơn vị chuyên nghiệp của ngành Dầu khí đảm nhận nhiệm vụ này.

Ngày 16/7/2007, Hội đồng thành viên Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PV-Power) đã họp và thông qua Đề cương thành lập mới một số Công ty cổ phần trong đó có phương án thành lập Công ty cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam. Ngày 27/11/2007, Công ty cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103021005 với số vốn Điều lệ là: **150.000.000.000 đồng (Một trăm năm mươi tỷ đồng./.)**.

2.2. Niêm yết:

- Ngày 28/12/2010, Công ty cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký chứng khoán số 305/2010/GCNCNP-VSD chính thức chấp thuận hoạt động lưu ký chứng khoán niêm yết trên sàn giao dịch HNX.

- Ngày 07/1/2011, chúng tôi Khoán Công ty cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện Lực Dầu Khí Việt Nam với mã giao dịch PPS chính thức chào sàn HNX với khối Lượng trên 100.000 giao dịch thành công.

3. Ngành nghề kinh doanh – Địa bàn hoạt động:

3.1. Ngành nghề kinh doanh:

- Lắp đặt hệ thống điện (Lắp đặt thiết bị điện các Nhà máy điện, Trạm biến áp và các dây chuyên công nghệ công nghiệp có cấp điện áp đến 500KV);
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp. Lắp đặt hiệu chỉnh đưa vào vận hành, bảo trì và nâng cấp các hệ thống thông tin viễn thông, hệ thống điều khiển phân tán và các hệ thống khác trong lĩnh vực ứng dụng công nghệ thông tin;
- Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác. Tư vấn chuyên ngành kỹ thuật điện cho quản lý xây dựng hệ thống điện – điện tử và tự động hóa cho các nhà máy điện, trạm biến áp và các dây chuyên công nghệ công nghiệp có cấp điện áp đến 500KV, công suất đến 4.000 MW;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật (thí nghiệm hiệu chỉnh đưa vào vận hành, thí nghiệm hiệu chỉnh định kỳ, duy tu bảo dưỡng định kỳ và xử lý sự cố bất thường các Nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp, các dây chuyên công nghệ công nghiệp có cấp điện áp đến 500KV và công suất đến 4.000 MW;
- Dịch vụ vận hành nhà máy điện;
- Dịch vụ kỹ thuật: bảo trì, bảo dưỡng, đại tu sửa chữa nhà máy điện bao gồm phần thiết bị nhà máy chính và các phần có liên quan;
- Kinh doanh vật tư thiết bị máy móc và hệ thống thiết bị dây chuyên đồng bộ phục vụ cho ngành điện, thông tin viễn thông và các ngành công nghiệp khác;
- Tư vấn thiết kế biên dịch, biên soạn tài liệu các giai pháp kỹ thuật nâng cao hiệu suất nhà máy điện, các giai pháp tiết kiệm năng lượng, năng lượng mới, năng lượng tái tạo và cả hệ thống thiết bị công nghiệp (không bao gồm thiết kế công trình);
- Đào tạo cung cấp nguồn nhân lực về quản lý vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa và chuyên gia công nghệ các nhà máy điện và công nghiệp (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Thi công lắp trạm biến áp, đường dây truyền tải và hệ thống điện, hệ thống đo lường điều khiển tự động, hệ thống thông tin viễn thông và hệ thống cung cấp và xử lý nước cho công trình công nghiệp và dân dụng;
- Thi công xây lắp các công trình công nghiệp;



CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

- Dầu tư sản xuất thiết bị điện, phụ tùng vật tư cho ngành điện dầu khí và các ngành công nghiệp khác;
- Xuất khẩu, nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Đại lý kinh doanh dịch vụ viễn thông;
- Cung cấp giải pháp lắp đặt tích hợp các hệ thống viễn thông và công nghệ thông tin.

3.2. Địa bàn hoạt động:

Nhằm tiếp cận thị trường và đặt nền móng cho việc thiết lập các đơn vị sản xuất trực tiếp tại khu vực phía Nam, ngày 28/8/2008, Công ty cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Điện Lực Dầu khí Việt nam (PVPS) đã thành lập Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh để thay mặt PVPS từng bước triển khai các hoạt động dịch vụ kỹ thuật tại các khu công nghiệp, các đơn vị trong và ngoài ngành; nắm bắt, nghiên cứu thị trường, tổ chức, giải quyết các vấn đề phát sinh trong hoạt động sản xuất kinh doanh của PVPS tại khu vực phía Nam.

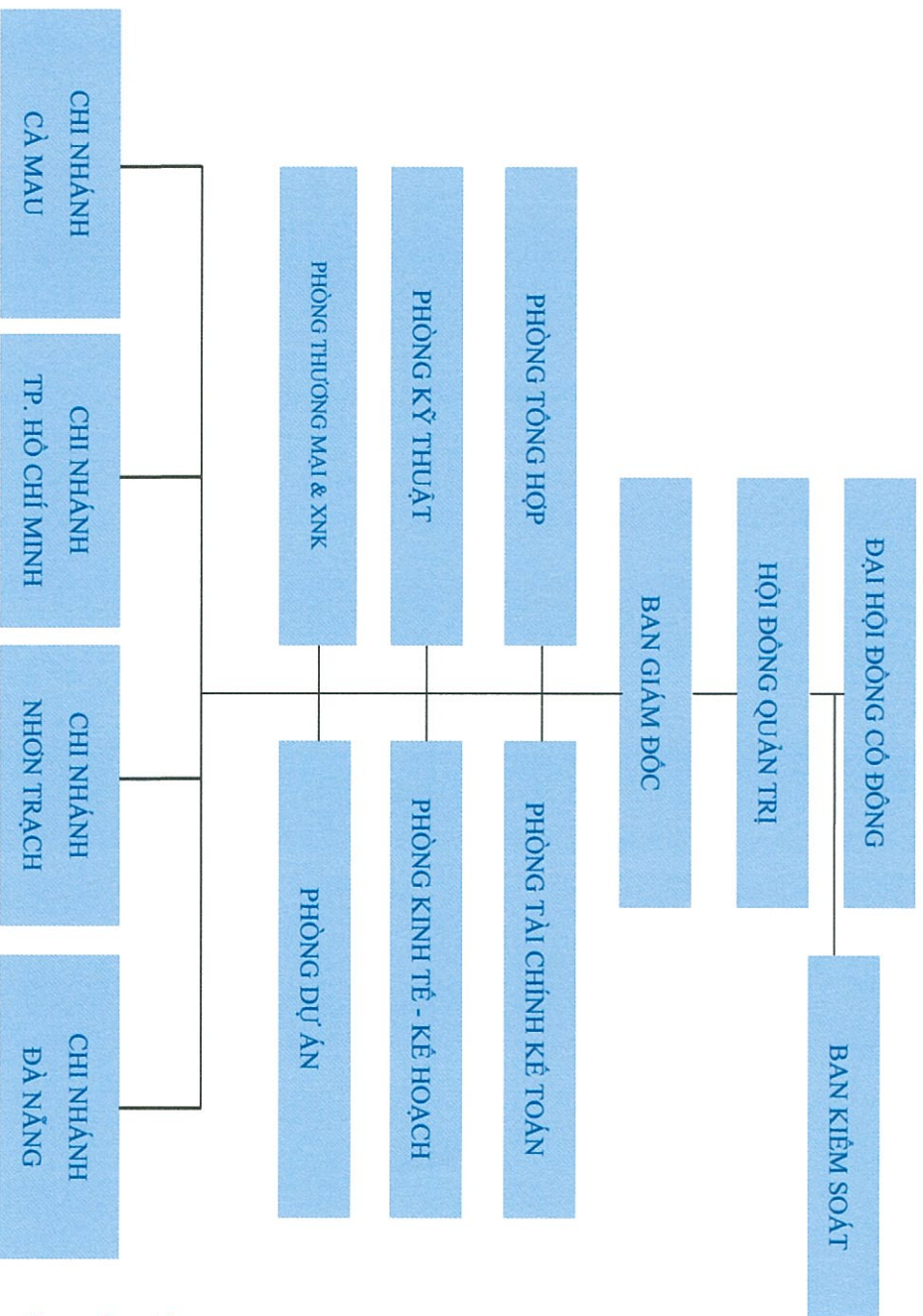
Ngày 03/8/2009, PVPS tiếp tục thành lập hai Chi nhánh Nhơn Trạch và Cà Mau, bước đầu thiết lập các đơn vị sản xuất trực tiếp phục vụ công tác sửa chữa, bảo trì tại Nhà máy điện Nhơn Trạch và Nhà máy điện Cà Mau.

Đến nay, 3 Chi nhánh của Công ty đã đi vào hoạt động ổn định, khẳng định năng lực thực hiện công tác bảo trì, bảo dưỡng và sửa chữa tại các Nhà máy.

Năm 2011, xuất phát từ nhu cầu thực tế cần nâng cao chất lượng dịch vụ tự thực hiện đồng thời hướng tới khả năng cung cấp các dịch vụ kỹ thuật phục vụ cho lĩnh vực sản xuất, cung cấp điện trong và ngoài Ngành Dầu khí, Ban quản lý, điều hành PVPS nhận thấy cần thiết phải thiết lập một đơn vị chuyên ngành điện lực và tự động hóa điện lực. Vì vậy, ngày 28/11/2011, HDQT PVPS ban hành Quyết định số 92/QĐ – HDQT về việc thành lập Chi nhánh PVPS tại Đà Nẵng – Trung tâm thí nghiệm điện với chức năng:

- *Tư vấn, giám sát, đào tạo; lắp đặt thí nghiệm hiệu chỉnh đưa vào vận hành các nhà máy điện, trạm biến áp, các dây chuyền công nghiệp và tự động hóa;*
- *Bảo dưỡng và thí nghiệm hiệu chỉnh định kỳ các nhà máy điện, trạm biến áp và các dây chuyền công nghệ công nghiệp và tự động hóa liên quan trong và ngoài ngành Điện.*

4. *Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:*



4.1. **Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng Cổ đông (DHHDCD) gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty thực hiện quyền và nhiệm vụ thông qua định hướng phát triển, quyết định các phương án, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, tăng (giảm) vốn Điều lệ, phân chia lợi nhuận, cổ tức; quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm HHDQT, Ban kiểm soát; và quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty và các quyền, nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

4.2. **Hội đồng quản trị**

HĐQT là tổ chức quản lý cao nhất của Công ty do DHHDCD bầu ra gồm 01(một) Chủ tịch HĐQT, và 04 (bốn) thành viên với nhiệm kỳ là 5 (năm) năm. HĐQT nhân danh Công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích và quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của DHHDCD. HĐQT có trách nhiệm giám sát hoạt động của Ban Giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong Công ty. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Pháp luật và Điều lệ Công ty, các Quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết DHHDCD quy định.

4.3. **Ban Kiểm soát**

Ban kiểm soát là tổ chức giám sát, kiểm tra tình hợp lý, hợp pháp trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh; trong ghi chép sổ sách kế toán và tài chính của Công ty nhằm đảm bảo các lợi ích hợp pháp của các cổ đông. Ban kiểm soát gồm 3 (ba) thành viên với nhiệm kỳ là 05 năm do Đại hội đồng cổ đông bầu ra.

4.4. **Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc của Công ty hiện nay bao gồm: 01 Giám đốc và 04 Phó Giám đốc. Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, là người chịu trách nhiệm chính và duy nhất trước HĐQT về tất cả các hoạt động kinh doanh của Công ty. Phó Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm theo đề xuất của Giám đốc.

4.5. **Khối điều hành:**

4.5.1. **Phòng Kinh tế - Kế hoạch**

Là bộ phận tham mưu giúp việc cho Giám đốc về công tác kế hoạch đầu tư, kế hoạch sản xuất kinh doanh; xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị cơ điện; hợp đồng kinh tế trong và ngoài nước;

4.5.2. **Phòng Tổng hợp:**

Phòng Tổng hợp là bộ phận tham mưu chuyên môn trực thuộc Giám đốc. Chịu trách nhiệm trước Giám đốc về: Công tác tổ chức nhân sự, đào tạo, tuyển dụng cán bộ; Công tác lương, thưởng, chế độ, chính sách; Công tác văn thư văn phòng, quản trị hành chính, lễ tân, lái xe, bảo vệ; công tác đối ngoại của Công ty.

4.5.3. **Phòng Tài chính – Kế toán:**

Tham mưu cho Giám đốc, Hội đồng quản trị về lĩnh vực Tài chính Kế toán trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, bao gồm:

- *Đề xuất các hình thức và giải pháp cần thiết nhằm thu hút, tạo lập và sử dụng hợp lý các nguồn tài chính, các quỹ tiền tệ phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty đạt hiệu quả cao nhất;*
- *Giúp Hội đồng quản trị và Giám đốc công ty: chấp hành các quy định về tài chính, tín dụng, chế độ kế toán của Nhà nước cũng như của Công ty, kiểm soát bằng đồng tiền các hoạt động kinh tế trong Công ty theo các quy định về quản lý kinh tế của Nhà nước và của Công ty, kiểm soát hoạt động tài chính của các đơn vị trực thuộc Công ty theo đúng quy định của Nhà nước và phân cấp quản lý của Công ty.*
- *Bảo đảm đáp ứng đủ vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của Công ty theo các quy định về quản lý kinh tế của Nhà nước và Quy chế tài chính của Công ty.*



CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM BẢO CẢO THƯỜNG NIÊN 2014

4.5.4. Phòng Kỹ Thuật:

Tham mưu giúp Ban Giám đốc chỉ đạo, quản lý các công tác, bao gồm:

- Công tác quản lý kỹ thuật của Công ty.
- Kỹ thuật an toàn, bảo hộ lao động, phòng chống cháy nổ, phòng chống lụt bão và bảo vệ môi trường.
- Công tác sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất.
- Áp dụng khoa học, công nghệ, tiêu chuẩn hoá, công nghệ thông tin, viễn thông và hệ thống quản lý chất lượng vào quản lý, sản xuất.
- Đào tạo phát triển nguồn nhân lực phân chuyên môn kỹ thuật.

4.5.5. Phòng quản lý dự án

Phòng Dự án Công ty là Phòng chức năng tham mưu giúp việc cho HĐQT và Giám đốc Công ty chỉ đạo công tác xây dựng, quản lý, theo dõi và triển khai thực hiện các dự án của trung và ngoài Tổng Công ty.

4.5.6. Phòng Thương mại & Xuất nhập khẩu:

Phòng Thương mại – Xuất nhập khẩu là bộ phận tham mưu giúp việc cho Giám đốc về các công tác sau:

- Phát triển hoạt động kinh doanh và mở rộng thị trường dịch vụ của Công ty và trực tiếp tổ chức kinh doanh trên thị trường để thực hiện kế hoạch kinh doanh của Công ty; phát triển hoạt động cung cấp dịch vụ kỹ thuật, vận hành, sửa chữa các nhà máy điện, đào tạo nguồn nhân lực quản lý vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng, ... phục vụ sản xuất kinh doanh của các khách hàng trong và ngoài ngành dầu khí, trong nước và nước ngoài;
- Tìm kiếm cơ hội đầu tư, nghiên cứu các phương án đầu tư, đánh giá hoạt động đầu tư của Công ty theo quy định của nhà nước, tập đoàn, tổng công ty;
- Thực hiện, quản lý công tác đấu thầu, mua sắm, các hoạt động xuất – nhập khẩu;
- Thực hiện các hợp đồng kinh tế theo yêu cầu kinh doanh, ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, phối hợp với các đơn vị trong công ty mở rộng thị trường, thiết lập hệ thống khách hàng, hệ thống nhà phân phối;

4.6. Khôi chi nhánh

4.6.1 Chi nhánh Công ty tại thành phố Hồ Chí Minh

Chi nhánh Hồ Chí Minh có chức năng thực hiện các nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh được Công ty phê duyệt, các nhiệm vụ về sửa chữa, bảo dưỡng và phát triển các dịch vụ liên quan, cụ thể như sau:

- Thiết lập bộ máy quản lý điều hành đảm bảo tuân thủ đúng Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty, thay mặt Công ty giải quyết các vấn đề phát sinh có liên quan tại khu vực phía Nam.
- Hỗ trợ các Chi nhánh Cà Mau và Nhơn Trạch trong các hoạt động SXKD.
- Tổ chức thực hiện việc quản lý, điều hành các hoạt động của Công ty tại địa bàn đặt trụ sở Chi nhánh.
- Nghiên cứu, khảo sát, phân tích và đánh giá thị trường tại khu vực phía Nam từ đó tham mưu cho Công ty trong việc khai thác thị trường và tận dụng các nguồn lực sẵn có để phục vụ cho hoạt động SXKD của Công ty.
- Tự khai thác và tổ chức thực hiện công tác dịch vụ kỹ thuật theo đúng ngành nghề kinh doanh của Công ty trên cơ sở tuân thủ pháp luật và đảm bảo hiệu quả SXKD.

4.6.2 Chi nhánh Nhơn Trạch

- a. Chức năng: thực hiện các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh được Công ty phê duyệt, các nhiệm vụ về sửa chữa, bảo dưỡng và phát triển các dịch vụ liên quan
- b. Nhiệm vụ:
 - Đảm bảo tuân thủ đúng Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty, thay mặt Công ty giải quyết các vấn đề phát sinh có liên quan;
 - Tổ chức thực hiện việc quản lý, điều hành các hoạt động của Công ty tại khu vực Đồng Nai theo kế hoạch được giao và sự chỉ đạo của Giám đốc Công ty;
 - Thay mặt Công ty làm việc với các đơn vị mà Công ty tham gia cung cấp dịch vụ; Chính quyền địa phương và các đơn vị khác về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Chi nhánh theo phạm vi được ủy quyền, thường xuyên tiếp xúc, đặt mối quan hệ với các đơn vị khác để giới thiệu các dịch vụ của Công ty cung cấp;
 - Nghiên cứu, khảo sát, phân tích và đánh giá thị trường tại khu vực Đồng Nai và các vùng lân cận đồng thời giám gia xây dựng chính sách, kế hoạch phát triển thị trường và đề xuất những phương án điều chỉnh kịp thời phù hợp với điều kiện và tình hình cụ thể của từng thị trường;
 - Tổ chức thực hiện công tác bảo dưỡng, sửa chữa các nhà máy điện, theo dõi, phối hợp nhằm đảm bảo hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa tại các Cơ quan đơn vị mà Công ty cung cấp dịch vụ tại khu vực Đồng Nai và khu vực khác, tuyệt đối an toàn và hiệu quả, theo dõi phối hợp bảo đảm hoàn tất mọi thủ tục liên quan đến việc bảo dưỡng, sửa chữa của Công ty (thủ tục hành chính, các thủ tục giấy tờ có liên quan,...)
 - Quản lý, điều hành các hoạt động vốn, tài sản, ngân sách phát sinh tại Chi nhánh trong phạm vi được ủy quyền của Công ty trên cơ sở tuân thủ theo Quy chế quản lý tài

chính, Điều lệ của Công ty; tổ chức quản lý, sử dụng cơ sở vật chất trang thiết bị kỹ thuật có hiệu quả;

- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Công ty giao.

4.6.3 Chi nhánh Cà Mau:

- a. Chức năng: thực hiện các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh được Công ty phê duyệt, các nhiệm vụ về sửa chữa, bảo dưỡng và phát triển các dịch vụ liên quan

- b. Nhiệm vụ:

- Đảm bảo tuân thủ đúng Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty, thay mặt Công ty giải quyết các vấn đề phát sinh có liên quan;
- Tổ chức thực hiện việc quản lý, điều hành các hoạt động của Công ty tại khu vực Cà Mau theo kế hoạch được giao và sử chỉ đạo của Giám đốc Công ty;
- Thay mặt Công ty làm việc với các đơn vị mà Công ty tham gia cung cấp dịch vụ; Chính quyền địa phương và các đơn vị khác về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Chi nhánh theo phạm vi được ủy quyền, thường xuyên tiếp xúc, đặt mối quan hệ với các đơn vị khác để giới thiệu các dịch vụ của Công ty cung cấp;
- Nghiên cứu, khảo sát, phân tích và đánh giá thị trường tại khu vực Cà Mau và các vùng lân cận đồng thời giám gia xây dựng chính sách, kế hoạch phát triển thị trường và đề xuất những phương án điều chỉnh kịp thời phù hợp với điều kiện và tình hình cụ thể của từng thị trường;
- Tổ chức thực hiện công tác bảo dưỡng, sửa chữa các nhà máy điện, theo dõi, phối hợp nhằm đảm bảo hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa tại các Cơ quan đơn vị mà Công ty cung cấp dịch vụ tại khu vực Cà Mau và khu vực khác, tuyệt đối an toàn và hiệu quả, theo dõi phối hợp bảo đảm hoàn tất mọi thủ tục liên quan đến việc bảo dưỡng, sửa chữa của Công ty (thủ tục hành chính, các thủ tục giấy tờ có liên quan,...)
- Quản lý, điều hành các hoạt động vốn, tài sản, ngân sách phát sinh tại Chi nhánh trong phạm vi được ủy quyền của Công ty trên cơ sở tuân thủ theo Quy chế quản lý tài chính, Điều lệ của Công ty; tổ chức quản lý, sử dụng cơ sở vật chất trang thiết bị kỹ thuật có hiệu quả;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Công ty giao.

4.6.4 Chi nhánh Đà Nẵng:

- Tư vấn, giám sát, đào tạo; lắp đặt thí nghiệm hiệu chỉnh đưa vào vận hành các nhà máy điện, trạm biến áp, các dây chuyền công nghiệp và tự động hóa;

- Bảo dưỡng và thi nghiệm hiệu chỉnh định kỳ các nhà máy điện, trạm biến áp và các dây chuyền công nghệ công nghiệp và tự động hóa liên quan trong và ngoài ngành Điện.

5. Định hướng phát triển

5.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Xây dựng PVPS trở thành thương hiệu mạnh trong lĩnh vực bảo trì, bảo dưỡng và sửa chữa các Nhà máy điện nói riêng và nhà máy thuộc lĩnh vực công nghiệp nặng nói chung, từng bước trở thành một đơn vị cung cấp dịch vụ kỹ thuật chuyên nghiệp trong khu vực. Đến 2025 phấn đấu đảm nhận đến (i) 90% dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành các nhà máy điện, chi thuê một vài chuyên gia OEM giám sát lắp đặt cho khối thiết bị phụ trong các nhà máy điện khí của PVPower (Không bao gồm hệ thống Tua bin khí, Tua bin hơi, Máy phát); (ii) 50% dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng khối thiết bị chính Tua bin khí, Tua bin hơi, Máy phát của nhà máy điện khí của PVPower trong phạm vi công việc của nhà thầu OEM; (iii) 80% dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành các nhà máy điện, chi thuê một vài chuyên gia OEM giám sát lắp đặt cho khối thiết bị chính của nhà máy điện than. Tiến tới tham gia dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa các nhà máy nhiệt điện khí, nhiệt điện than, thủy điện, và phong điện trong nước và nước ngoài.
- Đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ thực hiện các Hợp đồng bảo trì nhà máy điện của PVPower;
- Tổ chức đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao về quản lý, Kỹ thuật, đầu tư khoa học, công nghệ để đảm bảo thực hiện tốt nhất các dịch vụ sửa chữa bảo dưỡng các nhà máy điện đã và sẽ đi vào vận hành trong và ngoài Tổng Công ty;
- Phát triển mở rộng sản xuất, xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật đảm bảo phục vụ sản xuất kinh doanh và nâng cao chất lượng dịch vụ, xây dựng thương hiệu của Công ty ngày càng lớn mạnh.

5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Giai đoạn đến hết năm 2015:
 - + Tiếp tục thực hiện công tác bảo dưỡng, sửa chữa các nhà máy điện khí Cà Mau 1&2, Nhà máy điện Nhơn Trạch 1, Nhà máy điện Nhơn Trạch 2, Nhà máy điện Vũng Áng 1. Phấn đấu thực hiện tổng doanh thu từ các nhà máy này đạt 1.074,83 tỷ đồng.
- Giai đoạn 2015 đến 2025:
 - + Phấn đấu từ 2016-2020, nhân sự của PVPS sẽ dần đảm nhận trực tiếp phạm vi công việc do các nhà thầu phụ OEM hiện đang thực hiện.

- + Phân đầu đến 2025 thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa cho toàn bộ các nhà máy do PVPower làm chủ đầu tư với tổng giá trị doanh thu dự kiến đạt 15.061,11 tỷ đồng.
- + Đào tạo kỹ thuật chuyên sâu cho đội ngũ kỹ sư, công nhân lành nghề.
- + Đảm bảo cân bằng và bền vững nguồn lực tài chính.
- Các chỉ tiêu chính của PVPS trong giai đoạn 2016 - 2020 như sau: (Biểu 1)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Chiến lược phát triển SXKD 2016 - 2020					Tăng trưởng bình quân (%)	
			Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020		Tổng cộng
1	Vốn chủ sở hữu	tỷ đ.	192.4	200.5	206.0	208.2	221.5		
	<i>Trong đó: Vốn điều lệ</i>	tỷ đ.	150.0	150.0	150.0	150.0	150.0		
2	Tổng doanh thu	tỷ đ.	1,338.3	1,147.5	1,281.5	1,271.9	1,792.7	6,832.0	2%
3	Lợi nhuận trước thuế TNDN	tỷ đ.	30.1	34.9	36.3	34.2	43.8	179.2	19%
4	Lợi nhuận sau thuế	tỷ đ.	23.0	27.2	28.3	26.7	34.1	139.3	
	Tỷ suất LNST/Vốn DL	%	15.33%	18.13%	18.85%	17.77%	22.75%		
	Tỷ lệ chia cổ tức	%	12%	14%	14%	13%	17%		17%
	Thu nhập trên 1 cổ phần	đ/cp	1,200.0	1,400.0	1,400.0	1,300.0	1,700.0		17%

5.3. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:

- Mục tiêu của Công ty là phát triển bền vững, vì vậy Công ty luôn chú trọng và tích cực tham gia những hoạt động nhằm hướng đến mục tiêu trách nhiệm xã hội của Doanh nghiệp.
 - Công ty luôn gắn bó và thường xuyên thực hiện các hoạt động an sinh và từ thiện xã hội như:
 - + Thăm hỏi tặng quà cho CBCNV là con thương binh, liệt sỹ, các gia đình chính sách nhân ngày 27/7.
 - + Tham gia các chương trình hiến máu nhân đạo, Thăm các bệnh nhân có hoàn cảnh khó khăn tại bệnh viện.
 - + Quyên góp giúp đỡ đồng bào bị thiên tai, tham gia ủng hộ các quỹ tương trợ hoàn cảnh khó khăn.
 - + Tham gia các chương trình xây nhà tình nghĩa, xây dựng trường học tại vùng sâu vùng xa.
 - Công ty tham gia các sự kiện về môi trường như:
 - + Tham gia các sự kiện quốc tế: giờ trái đất và ngày môi trường thế giới;



CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

- + Công ty trang bị điện thoại nội bộ, hợp nội bộ qua truyền hình trực tuyến để giảm thiểu thời gian di chuyển hướng tới mục tiêu tiết kiệm năng lượng;
- + Thực hiện các khóa đào tạo tại chỗ để tiết kiệm thời gian di chuyển, chi phí đi lại và chi phí đào tạo.

6. **Rủi ro:**

- Giá trị hàng vật tư nhập khẩu nước ngoài có giá trị rất lớn trong tổng giá thành dịch vụ, do đó PVPPS luôn có nhu cầu giao dịch bằng ngoại tệ. Vì vậy, những thay đổi về chính sách quản lý tiền tệ, ngoại hối ảnh hưởng rất lớn đến kết quả thực hiện kế hoạch và tính chủ động trong SXKD của Công ty.
- Yêu cầu về nhân lực có chất lượng cao ngày cấp thiết, trong khi chính sách và qui định của Nhà nước chưa đáp ứng được khả năng thu hút và giữ cho các chuyên viên/kỹ sư cấp cao không đáp ứng được dẫn đến khó thu hút được nhân tài và giữ chân người lao động có trình độ chuyên môn và tay nghề.

II. **TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM:**

1. **Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh: (Biểu 2)**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả hoạt động		
			Năm 2013	Năm 2014	% tăng/giảm
I	Doanh thu thuần		1,060.61	1,189.26	112%
1	Do Nhà thầu OEM thực hiện	tỷ đ	915.65	1,014.56	111%
2	Do PVPPS tự thực hiện	tỷ đ	144.96	174.70	121%
II	Chi phí sản xuất		1,036.26	1,161.49	112%
1	Giá vốn hàng bán	tỷ đ	999.28	1,121.82	112%
2	Chi phí quản lý DN	tỷ đ	36.66	39.43	108%
3	Chi phí bán hàng	tỷ đ	0.26	0.08	31%
4	Chi phí khác	tỷ đ	0.06	0.17	261%
III	Lợi nhuận				
1	Lợi nhuận gộp	tỷ đ	61.33	67.44	110%
2	Lợi nhuận trước thuế TTNDN	tỷ đ	31.12	31.41	101%
3	Lợi nhuận sau thuế	tỷ đ	23.30	24.45	105%
4	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	đ	1,553.00	1,630.20	105%

Qua số liệu tại Biểu 2 cho thấy:

- Doanh thu tự thực hiện trong năm 2014 tăng hơn 10% so với 2013, do hoạt động sản xuất kinh doanh 2014 không có nhiều biến động so với 2013, nhưng tỷ lệ nội địa hóa từ doanh thu thực hiện của PVPPS tăng hơn 20% so với năm trước. Khả năng nâng lực sản xuất của PVPPS đã được chú trọng đầu tư và phát triển mạnh mẽ nâng cao khả năng tự thực hiện các hoạt động kỹ thuật đòi hỏi trình độ chuyên môn cao, tiếp cận công nghệ tiên tiến vốn thuộc phạm vi công việc của Nhà thầu phụ OEM trong những năm trước.



CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

- Hiệu quả sản xuất kinh doanh chi tăng ~ 5% so với năm 2013 chưa tương xứng với mức tăng trưởng của doanh thu, nguyên nhân chủ yếu do:
 - Sự gia tăng Lực lượng lao động trực tiếp, lao động quản lý nhằm tăng cường đội ngũ công nhân kỹ thuật có tay nghề cao đồng thời thực hiện đào tạo bằng thực tiễn tại hiện trường, đáp ứng yêu cầu tiếp cận và triển khai thực hiện các dự án mới như: Nhà máy điện Long Phú, Vũng Áng 1.... Chính vì vậy làm tăng chi phí nhân công 2014;
 - Doanh thu hoạt động tài chính giảm 50% so với cùng kỳ năm trước do lộ trình giảm lãi suất huy động từ hệ thống Ngân hàng đòi hỏi PVPS phải gia tăng lượng vốn luân chuyển trong sản xuất kinh doanh giảm dự trữ vốn.

2. Tổ chức nhân sự

2.1.1. Danh sách Ban điều hành PVPS

TT	Họ và tên	Chức vụ
I Hội đồng quản trị		
1	Bà Cao Thị Liên	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Phan Đại Thành	Thành viên HĐQT – Giám đốc
3	Ông Lê Ngọc Sơn	Thành viên HĐQT
4	Ông Nguyễn Minh Tuấn	Thành viên HĐQT
5	Bà Trần thị Thu Trang	Thành viên HĐQT độc lập
II Ban Giám đốc		
1	Ông Phan Đại Thành	Giám đốc
2	Ông Bùi Duy Nhì	Phó Giám đốc
3	Ông Võ Khánh	Phó Giám đốc
4	Ông Mã Ngọc Kỳ	Phó Giám đốc
5	Ông Vũ Quang Dũng	Phó Giám đốc
III Kế toán trưởng		
1	Bà Tô Ngọc Tuyết	Kế toán trưởng

2.2. Tóm tắt lý lịch:

2.2.1. Bà Cao Thị Liên – Chủ tịch HĐQT

- Ngày sinh : 26/11/1962
- Quốc tịch : Việt Nam Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Hà Nội



CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

- Địa chỉ thường trú: 19 Lý Nam Đế - Hoàn Kiếm – Hà Nội;
- Số CMND : 010178290 do Công an Hà Nội cấp 24/02/2004
- Trình độ văn hoá : 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư hệ thống điện
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
3/1987–3/1998	Công ty Điện lực Hà Nội – Tổng công ty Điện lực Việt nam	Chủ nhiệm đề án
3/1998–11/2004	Xuất Nhập khẩu – Công ty Điện lực Hà nội	Trưởng phòng Kinh tế đối ngoại
11/2004–12/2005	Công ty Điện lực Hà nội	Phó Giám đốc Trung tâm Viễn thông và CNTT
1/2006 – 8/2007	Công ty Điện lực Hà nội	Trưởng phòng Viễn thông và CNTT
9/2007 – 1/2008	Ban Kinh tế Kế hoạch Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Trưởng phòng Kế hoạch – Hợp đồng
1/2008 – 5/2009	TCTy Điện lực Dầu khí Việt Nam (PV Power)	Trưởng Ban Kế hoạch
5/2009 đến nay	Công ty CP Dịch vụ kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân : 0 Cp
 - + Sở hữu đại diện : 2.250.000 của PV Power
 - + Những người có liên quan : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không



CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

2.2.2. Ông Phan Đại Thành – Thành viên HĐQT, Giám đốc

- Ngày sinh : 1/6/1970
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: Số 96 A Ngõ 325 Kim Ngưu Hà Nội
- Số CMND : 011608864 do Công an Hà Nội cấp 08/12/2009
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1993 – 1996	Công ty thép Việt Úc	Kỹ sư giám sát điện
1997 – 2003	Tổng công ty Cơ khí Xây dựng (COMA)	Phó phòng Kế hoạch Đầu tư
2003 – 2005	Cty Xây lắp và Dịch vụ kỹ thuật (COMA 15)	Giám đốc
2005 – 2007	Cty CP Xây dựng và Lắp máy điện nước số 3 (COMA 3)	Giám đốc
2007 đến nay	Cty CP Dịch vụ kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Giám đốc

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân : 5.000 Cổ phần
 - + Sở hữu đại diện : 1.800.000 Cp của PV Power
- + Những người có liên quan : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không



CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
BẢO CẢO THƯỜNG NIÊN 2014

2.2.3. Ông Lê Ngọc Sơn - Thành viên Hội đồng quản trị

- Ngày sinh : 18/6/1971
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Đông Hưng – Thái Bình
- Địa chỉ thường trú: Số 20, ngách 76/6 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội.
- Số CMND : 011784024 do Công an Hà Nội cấp 06/1/2000
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1993-1998	Công ty vận tải và Thuê tàu	Chuyên viên
1998-2001	Công ty liên doanh Vận tải biển Việt Pháp	Chuyên viên
2001-2002	Công ty Sông Đà 12	Phó trưởng phòng thị trường
2003-2006	Công ty CP thép Việt Ý	Trưởng phòng kinh doanh, trưởng phòng Hợp tác quốc tế
2007	Công ty CP thép Việt Ý	Phó Tổng giám đốc
2008-7/2010	Công ty CP luyện thép Sông Đà	Phó Tổng giám đốc
/2010 – nay	Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PV Power)	Phó trưởng Ban Thương mại

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Phó Trưởng Ban Thương mại Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam

- Hành vi vi phạm pháp luật : Không

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không



CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân : 0 Cp
 - + Sở hữu đại diện : 1.800.000 Cp của PV Power
 - + Những người có liên quan : Không
 - Các khoản nợ đối với Công ty : Không

2.2.4. Ông Nguyễn Minh Tuấn – Thành viên HĐQT

- Ngày sinh : 28/10/1971
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Nam Định
- Địa chỉ thường trú: 36B, Tổ 2, Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
- Số CMND : 013328983 do Công an Hà nội cấp 27/7/2010
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện khí hóa
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1996 – 1998	Văn phòng đại diện Fujitsu	Nhân viên phòng kỹ thuật
1998 – 2002	Công ty TNHH Việt Á	Trưởng phòng Dự án
2002 – 2007	Ban năng lượng – truyền tải và phân phối điện Văn phòng đại diện SIEMENS AG tại Việt Nam	Phụ trách dự án, phụ trách bán hàng
2007 – 9/2011	Công ty CP Dịch vụ kỹ thuật Điện lực Dầu khí VN	Phó Tổng giám đốc
9/2011 – nay	Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PV Power)	Trưởng Ban Kỹ Thuật

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không



CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân : 0 Cổ phần
 - + Sở hữu đại diện : 1.800.000 Cp của PV Power
 - + Những người có liên quan : 0 Cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

2.2.5. Bà Trần thị Thu Trang

- Ngày sinh: 16/07/1976 Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Giấy CMND số: 011742653 cấp ngày: 08/03/2007 tại Công an Tp. Hà Nội
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 9 Phố Đội Cung, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.
- Chỗ ở hiện tại: Phòng E 1306 chung cư Golden Westlake, 162 Hoàng Hoa Thám, Tây Hồ, Hà Nội
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật.
- Quá trình học tập, đào tạo chuyên môn; chứng chỉ:

Thời gian	Trường đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Khen thưởng	Kỷ luật
1995->1999	Đại học Luật Hà Nội	Tư pháp và hành chính nhà nước		

Quá trình làm việc:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ	Khen thưởng	Kỷ luật
1999->2003	Dự án Peja Vietnam của Hà Lan	Quản lý dự án		
2004 đến nay	Công ty CP Phong Cách Anh	Tổng Giám đốc		

Các chức vụ hiện đang đảm nhiệm

Nơi làm việc	Chức vụ	Thời gian đảm nhiệm
Công ty Cổ phần Phong Cách Anh	Tổng Giám đốc	Từ 06 / 08 / 2004 đến nay

- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân : 0 Cổ phần



CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

- + người có liên quan : 0 Cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

2.2.6. Ông Bùi Duy Nhị – Phó Giám đốc

- Ngày sinh : 28/9/1964
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Nghệ An
- Địa chỉ thường trú: P 210, nhà A1, Thành Công, Ba Đình, Hà nội
- Số CMND : 012669156 do Công an Hà nội cấp 07/3/2008
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1988-1996	Công ty xăng dầu Nghệ Tĩnh	Phó trưởng phòng Tổ chức
1996-1999	Công ty Vận tải xăng dầu Nghệ Tĩnh	Trưởng phòng Tổ chức hành chính
1999-2001	Chi nhánh XNK Xăng dầu	Trưởng phòng Tổ chức hành chính
2001-2007	Công ty xăng dầu Khu vực 1	Phó trưởng phòng Tổ chức hành chính
2007-2011	Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Phó trưởng Ban tổ chức nhân sự
1/9/2011 – nay	Công ty CP Dịch vụ kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Phó Giám đốc

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan: 0 Cp



CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

2.2.7. Ông Võ Khánh – Phó Giám đốc

- Ngày sinh : 01/01/1964
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Thôn Phú Mỹ, Đại Minh, Đại Lộc, Quảng Nam
- Địa chỉ thường trú: Số 162A, Nguyễn Tuấn, Nhân chính, Thanh Xuân, Hà Nội.
- Số CMND : 200411631 do Công an Đà Nẵng cấp 24/4/2008
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kỹ thuật điện
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1988 - 2002	Trung tâm thí nghiệm điện – Điện lực 3.	Quản đốc phân xưởng Rơ le – Tự động
2002 - 2007	Trung tâm thí nghiệm điện - Công ty CP Sông Đà 11.	Giám đốc trung tâm Thí nghiệm điện
2007 - 2011	Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà	Tổng Giám đốc
2011 – 2014	Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện Lực Dầu khí Việt Nam	Phó Giám đốc Công ty

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan: 0 Cp

2.2.8. Ông Mã Ngọc Kỳ – Phó Giám đốc

- Ngày sinh : 12/12/1972
- Quốc tịch : Việt Nam



CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
BẢO CAO THƯỜNG NIÊN 2014

- Dân tộc : Kinh
- Quốc quán : Bình Trị Thiên
- Địa chỉ thường trú: 5/99/16A, đường Nơ Trang Long, Phường 7, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
- Số CMND : 025337620 do Công an TP. HCM cấp 28/7/2010
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư thiết kế máy
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1996 – 2002	phân xưởng sửa chữa - Điện Phú Mỹ	Kỹ sư
2002 – 2007	Phú Mỹ 3 BOT	Kỹ sư phòng Bảo trì
2008 đến nay	Công ty CP Dịch vụ kỹ thuật Điện Lực Dầu khí Việt Nam	Phó Giám đốc

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan: 0 Cp
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

2.2.9. Ông Vũ Quang Dũng – Phó Giám đốc

- Ngày sinh : 19/10/1977
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quốc quán : Hà nội
- Địa chỉ thường trú : Số 7 ngõ 204 Thụy Khê, Hà nội
- Số CMND : 011917386 do Công an TP. Hà nội cấp 16/2/2004
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư



CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
BẢO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

– Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2000-2008	Công ty Intergraph	Trưởng phòng dự án
2008-2010	GP Link JSC	Phó Giám đốc/Giám đốc
2010-9/2011	PV C&I	Tổng giám đốc
9/2011 đến nay	Công ty CP Dịch vụ kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Phó Giám đốc

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan: 0 Cp
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

2.2.10. Kế toán trưởng: Bà Tô Ngọc Tuyết – Kế toán trưởng

- Ngày sinh : 14/7/1975
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Ônng Bí – Quảng Ninh
- Địa chỉ thường trú: P. 818CT5 Đơn nguyên 2, Mỹ Đình 2, Từ Liêm, Hà Nội
- Số CMND : 012452260 do Công an Hà nội cấp 27/6/2001
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Tài chính Kế toán
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
4/1998 – 4/1999	Công ty KDVT & XL Sông Đà 15, Tổng công ty Sông Đà	Nhân viên TCKT
5/1999 – 6/2001	Xí nghiệp 15-1, Công ty KHVT&XL Sông	Trưởng ban TCKT

CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

	Dà 15, Tổng công ty Sông Đà	
7/2001 – 5/2002	Xí nghiệp Sông Đà 903, Công ty Sông Đà 9, Tổng công ty Sông Đà	Nhân viên Ban TCKT
6/2002 – 7/2003	Xí nghiệp Sông Đà 903, Công ty Sông Đà 9, Tổng công ty Sông Đà	Kế toán trưởng
8/2003 – 10/2005	Công ty CP Sông Đà 909, Tổng công ty Sông Đà	Kế toán trưởng
11/2005 – 5/2007	Kế toán trưởng Công ty CP Sông Đà 909, Tổng công ty Sông Đà	Kế toán trưởng
6/2007 – 11/2007	Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam.	Phó Phòng Tài chính Ban TCKT,
11/2007 – 4/2009	Công ty CP Tư vấn Điện lực Dầu khí VN	Kế toán trưởng
4/2009 đến nay	Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí VN	Kế toán trưởng

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân : 2.000 Cổ phần
 - + người có liên quan : 0 Cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

2.3. Những thay đổi trong Ban điều hành:

Ông: Edwin Harald Burchardt – Thành viên HĐQT đã mất

3. Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

Trong thời gian qua, đội ngũ cán bộ cơ quan Công ty không ngừng lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng. Tính đến thời điểm 31/12/2014, tổng số cán bộ công nhân viên và người lao động là 325 người. Trong đó, số cán bộ là Phó trưởng phòng trở lên (hoặc tương đương) là 30 người. Trong tổng số 325 CBCNV và người lao động, có:



CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

+ Tiến sỹ: 0 người	+ CNKT, lái xe: 60 người
+ Thạc sỹ: 12 người	+ Lao động PT: 01 người
+ Đại học: 172 người	+ Cán bộ nữ: 50 người
+ Cao đẳng: 30 người	+ Tuổi trung bình cán bộ: 34
+ Trung cấp: 50 người	

Công ty thực hiện trên nguyên tắc phân phối theo năng suất, chất lượng, hiệu quả công việc đảm bảo tuân thủ đúng quy định của Nhà nước, đồng thời khuyến khích CBCNV và người lao động phát huy tính chủ động, sáng tạo hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Đảm bảo cho 100% CBCNV được ký Hợp đồng lao động, trong đó:

- + Hợp đồng lao động không xác định thời hạn: 152 người, chiếm 35.6%
- + Hợp đồng lao động có thời hạn từ 1 đến 3 năm: 169 người, chiếm 64.4%
- + Hợp đồng thử việc: 04 người, chiếm 0.4%

Công tác tham gia BHXH, BHYT, BHTN, giải quyết tốt chế độ chính sách kịp thời cho người lao động; chăm lo đời sống cho CBCNV và người lao động nhân dịp các ngày Lễ lớn của đất nước của ngành và công ty.

Công ty đã thực hiện đúng quy chế trả lương, thưởng cho người lao động, đảm bảo quyền lợi cho người lao động trên cơ sở đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh, bảo toàn và phát triển vốn của Công ty.

Thu nhập bình quân của CBCNV Công ty năm 2014 là: 19,2 triệu đồng/người/tháng.

*** Kế hoạch đào tạo phát triển nguồn nhân lực trong tương lai:**

Qua 6 năm đi vào hoạt động, rút kinh nghiệm từ thực tế, PVPS đã đề ra đề án phát triển đến năm 2015 với mục tiêu cụ như sau:

Đảm nhận toàn bộ nhân công sửa chữa cho các NMD của PVN để tối ưu hóa Nhân lực sửa chữa trên cơ sở tập trung thực hiện các hợp đồng bảo trì đã có và chuẩn bị lực lượng tiếp nhận thực hiện công tác bảo dưỡng sửa chữa cho các NMD than của PVN và PV Power như Vũng Áng, Thái Bình, Long Phú....

Cụ thể:

- Thực hiện tốt công tác bảo trì bảo dưỡng đại tu, tiểu tu định kỳ và thường xuyên các nhà máy điện mà hiện nay Tập đoàn Dầu khí đang giao cho PVPS như: Cà Mau 1&2, Nhơn Trạch 1&2.

- Tham gia thực hiện các công trình bảo trì bảo dưỡng cho các nhà máy điện ngoài ngành, các nhà máy công nghiệp, các công trình biển. Qua việc tương tác này tình độ của lực lượng sửa chữa được nâng cao cũng như việc thể hiện được chất lượng dịch vụ của PVPS đã cung cấp. Đồng thời, xây dựng dần được thương hiệu PVPS

trong lĩnh vực bảo trì và sửa chữa các thiết bị thuộc nhiều lĩnh vực trong ngành Công nghiệp nặng vươn ra tầm khu vực và quốc tế.

- Cung cấp nguồn nhân lực cho các nhà thầu trong và ngoài nước Siemens, Alstoms... trong các đợt đại tu và thanh tra C các nhà máy điện. Đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao của PVPS.

- Tận dụng khai thác những lợi thế mà PVPS hiện nay đang có đó là lực lượng sửa chữa có tay nghề cao và kinh nghiệm trong lĩnh vực sửa chữa nhà máy điện cần phát huy việc tổ chức hợp tác đào tạo “hướng dẫn thực tập” cho các nhà máy điện mới, trung tâm đào tạo...

- Để thực hiện tốt công tác sửa chữa thường xuyên hay định kỳ cần phải có nguồn vật tư dự phòng sẵn sàng, nhà cung cấp vật tư tin cậy. Do vậy cần thiết phải xây dựng và lập mạng lưới cung cấp vật tư từ những nhà sản xuất, nhà cấp hàng tiềm năng để chủ động trong việc mua sắm vật tư thiết bị phục vụ công tác bảo trì sửa chữa.

- Tăng cường liên doanh liên kết với các đối tác trong và ngoài nước, các nhà cung cấp chế tạo thiết bị để tham quan, học hỏi và phối hợp tổ chức các khóa đào tạo kỹ thuật chuyên ngành bảo trì sửa chữa và quản lý kỹ thuật đồng thời hợp tác đào tạo trên nhiều lĩnh vực khác nhau với các Tập đoàn, tổng công ty trong và ngoài nước như Siemens, Alstom, Tập đoàn than khoáng sản, EVN...

Trong đó, nhiệm vụ năm 2014 là:

- + Xây dựng hệ thống quản lý nhân sự thống nhất trong toàn công ty;
- + Hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn chức danh công việc của Công ty;
- + Xây dựng và phát triển hệ thống đánh giá cán bộ thường xuyên hàng năm;
- + Lập quy hoạch đào tạo cán bộ cụ thể cho từng đơn vị, từng chuyên ngành phù hợp với chiến lược phát triển chung của Tổng công ty từ nay đến năm 2025 dựa trên tiêu chuẩn chức danh đã được đánh giá;
- + Thực hiện có hiệu quả cơ chế phân cấp trong công tác đào tạo tại các đơn vị thành viên;
- + Xây dựng chương trình đào tạo bắt buộc (quản lý - Kỹ thuật - ngoại ngữ) cho cán bộ lãnh đạo đương chức, cán bộ nguồn trước khi bổ nhiệm, đặc biệt, cán bộ trước khi bổ nhiệm bắt buộc phải trình độ tiếng Anh theo yêu cầu tiêu chuẩn chức danh, xây dựng tiêu chuẩn tuyển dụng đối với từng vị trí công việc cần đến ngoại ngữ;
- + Đào tạo cán bộ quản lý, chuyên gia trong nước và nước ngoài để có thể đáp ứng được công tác luân chuyển cán bộ trong nội bộ Công ty. Cử cán bộ quản lý, chuyên viên có trình độ, năng lực, phẩm chất đạo đức tốt đi học tập tại các trung tâm đào tạo của nước ngoài;

- + Tổ chức các khóa học đào tạo chuyên sâu, chuyên gia theo kế hoạch, chiến lược của Công ty và kế hoạch của Tổng công ty cũng như của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
 - + Nâng cao chất lượng đào tạo đội ngũ CNKT, cán bộ kỹ thuật (trung cấp - cao đẳng) lành nghề, có kinh nghiệm nhằm đảm bảo công tác bảo dưỡng sửa chữa an toàn, chất lượng và tiến độ các Nhà máy điện. Tổ chức đào tạo và tái đào tạo lại đội ngũ CNKT tại các nhà máy điện nhằm bổ sung kiến thức, kinh nghiệm, kỹ năng làm việc và công nghệ mới trong dịch vụ sửa chữa các thiết bị điện;
 - + Chuẩn bị nguồn nhân lực cao để sẵn sàng trong việc tiếp nhận công tác bảo dưỡng sửa chữa cho các nhà máy điện trong những năm tiếp theo của Tổng công ty và Tập đoàn dầu khí;
 - + Tập trung đào tạo chuyên môn sâu cho các cán bộ, kỹ thuật viên và công nhân lành nghề: cơ khí, cơ nhiệt, điện, tự động.
4. **Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:**
- a. *Các khoản đầu tư lớn: Không có*
 - b. *Các Công ty con, Công ty liên kết:*
 - Tên doanh nghiệp: Công ty cổ phần Công nghệ thông tin, viễn thông và tự động hóa Dầu khí (PAIC)
 - Tỷ lệ PVPS nắm giữ: 11,90% Vốn Điều lệ PV Tech
 - Địa chỉ: Tầng 17, tòa nhà INCON 4, số 243A Đê La Thành, quận Đống Đa, Tp. Hà Nội
 - Giấy đăng ký KD số: 0103035042
 - Vốn Điều lệ: **42.352.900.000 đ.**
 - Ngành nghề kinh doanh:
 - + Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
 - + Mua bán, cung cấp, xây dựng, cho thuê, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị, hỗ trợ vận hành trong các lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông và tự động hóa;
 - + Xuất nhập khẩu các mặt hàng thuộc lĩnh vực kinh doanh của Công ty;
 - + Thiết kế, phát triển, gia công, cung cấp, phân phối, bảo hành, bảo trì, triển khai các sản phẩm và dịch vụ phần mềm;
 - + Dịch vụ làm dữ liệu, cung cấp dịch vụ dữ liệu, tư vấn giải pháp, thiết kế xây dựng (không bao gồm thiết kế công trình), bảo trì hệ thống cơ sở dữ liệu;

- + Nghiên cứu tư vấn, thiết kế (không bao gồm thiết kế công trình), sản xuất, đào tạo, lắp đặt các hệ thống thương mại, giao dịch điện tử và các dịch vụ thương mại điện tử;
- + Cung cấp các nội dung, dịch vụ giá trị gia tăng và đại lý kinh doanh các dịch vụ giá trị gia tăng, công nghệ quảng cáo trực tuyến trên các hệ thống công nghệ thông tin và viễn thông;
- + Sản xuất, chế tạo, lắp ráp các thiết bị thuộc các lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông và tự động hóa;
- + Nghiên cứu, tư vấn, thiết kế, thẩm tra tích hợp, đào tạo, cho thuê các trung tâm cơ sở dữ liệu, các trung tâm phục hồi dữ liệu sau thảm họa, cung cấp các dịch vụ của trung tâm cơ sở dữ liệu và dịch vụ phục hồi dữ liệu;
- + Nghiên cứu, tư vấn, thẩm tra, tích hợp, đào tạo, chuyển giao công nghệ thuộc các lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông và tự động hóa.
- Tỷ lệ PVPS nắm giữ cổ phần tại PV Tech (PAIC): 11,90% Vốn Điều lệ
- Tình hình tài chính:

Chi tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2013	Thực hiện 2014	% so với năm trước
Tổng giá trị tài sản	đ	72,509,849,470	84,939,108,015	117,14%
Doanh thu thuần	đ	66,242,928,140	71,391,745,030	107,77%
Lợi nhuận từ hoạt động SXKD	đ	14,076,237,815	16,757,010,073	119,04%
Lợi nhuận trước thuế	đ	504,242,411	1,295,920,745	257,00%
Lợi nhuận sau thuế	đ	504,242,411	1,295,920,745	257,00%

- Nghị Quyết phiên họp thường kỳ quý 3/2012, Hội đồng quản trị PVPS đã nhất trí thông qua phương án rút vốn đầu tư tại PV Tech. Tính đến thời điểm hiện nay, chưa có nhà đầu tư đăng ký tiếp nhận vốn chuyển nhượng từ phần vốn đầu tư của PVPS;
- Trong năm 2013, PVPS cũng tiến hành trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính đối với khoản đầu tư tại PV Tech theo luật định;
- Hiện nay, PVPS đang xây dựng lộ trình thoái vốn tại PAIC, trình Hội đồng quản trị phê duyệt làm cơ sở thực hiện.



CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

5. **Tình hình tài chính:**

a. **Tình hình tài chính:**

(Biểu 3)

Chi tiêu	ĐVT	Thực hiện 2013	Thực hiện 2014	% so với năm trước
Tổng giá trị tài sản	đ	1,952,046,217,180	3,420,260,916,037	175.21%
Doanh thu thuần	đ	1,060,606,155,480	1,189,257,624,727	112.13%
<i>Trong đó</i> : Tỷ lệ nội địa hóa/Doanh thu thuần	%	14.37%	14.63%	
Lợi nhuận từ hoạt động SXKD	đ	31,180,839,049	31,481,478,986	100.96%
Lợi nhuận trước thuế	đ	31,116,010,892	31,408,174,853	100.94%
Lợi nhuận sau thuế	đ	23,295,963,864	24,453,530,229	104.97%
Tỷ lệ trả cổ tức/mệnh giá	%	13.00%	12.87%	99.00%

Ghi chú: Tỷ lệ chia cổ tức 2014 chi mang tính chất dự báo dựa trên kế hoạch SXKD 2014 được HĐQT phê duyệt.

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

(Biểu 4)

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014
1	Khả năng thanh toán			
		- Hệ số thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1.07
	- Hệ số thanh toán bằng tiền	Lần	0.06	0.02
2	Cơ cấu vốn			
		- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0.91
	- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	9.6	17.26
	- Hệ số bảo toàn vốn	Lần	0.98	1.01
3	Năng lực hoạt động			
		- Vòng quay nợ phải thu	Vòng	4.04
	- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng	0.54	0.44
4	Khả năng sinh lợi			
		- Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	2.20%
	- Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	12.63%	13.2%
	- Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	1.10%	0.9%

6. **Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

a. **Cổ phần:**

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 15.000.000 cp



CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

- Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 10.366.200 cp
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 4.633.800 cp
- b. Cơ cấu cổ đông:
 - Cổ đông lớn: 3 cổ đông, nắm giữ 11.135.800 cổ phần tương đương 74% tổng số cổ phần
 - Cổ đông là tổ chức nhà nước: 1 cổ đông, nắm giữ 7.650.000 cổ phần, tương đương 51% tổng số cổ phần
 - Cổ đông là tổ chức nước ngoài: 2 cổ đông, nắm giữ 3.485.800 cổ phần, tương đương 23% tổng số cổ phần.
 - Các cổ đông khác nắm giữ 3.864.200 cổ phần, tương đương 26% tổng số cổ phần.
 - c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không có
 - d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có
 - e. Các chứng khoán khác: không có

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC:

1. Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh:

a. Các chỉ tiêu chủ yếu:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	KH 2014	Thực hiện 2014	Đạt (%)
I	Tổng doanh thu	1,150.10	1,192.90	104%
1	Doanh thu trực tiếp	153.79	153.63	100%
1.1	Doanh thu từ các Hợp đồng bảo trì, bảo dưỡng	136.35	137.43	101%
1.2	Doanh thu từ các dịch vụ ngoài	10.64	12.65	119%
1.3	Doanh thu tài chính	6.80	3.55	52%
2	Doanh thu từ nhà thầu phụ	996.31	1,014.56	102%
3	Doanh thu thực thanh thực chi	-	24.61	
4	Doanh thu khác		0.10	

TT	Chi tiêu	KH 2014	Thực hiện 2014	Đạt (%)
II	Tổng chi phí	1,118.72	1,161.49	104%
1	Chi phí trực tiếp	112.78	111.42	99%
2	Chi phí thực hiện dịch vụ ngoài	9.04	10.86	120%
3	Chi phí nhà thầu phụ	996.31	1014.56	102%
4	Chi phí tài chính	0.59	0.0002	0.04%
5	Chi phí thực thanh thực chi		24.3979	
6	Chi phí khác		0.2509	
III	Lợi nhuận trước thuế	31.37	31.41	100%
IV	Lợi nhuận sau thuế	23.53	24.50	104%

- Năm 2014, tổng giá trị doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là 1,192.9/1,150.1 tỉ đồng, đạt 104% kế hoạch được giao, trong đó:
 - + Doanh thu của nhà thầu phụ: 1,014.56 tỉ đồng/996.31 tỉ đồng, đạt 102% kế hoạch. Doanh thu tăng do các thay đổi về tỷ giá, trượt giá và phát sinh đơn đặt hàng so với kế hoạch.
 - + Doanh thu trực tiếp của PVPS là 153.73 tỉ đồng/153.79 tỉ đồng, đạt 100% kế hoạch
 - Công ty đã phát triển dịch vụ ngoài: thực hiện thí nghiệm hiệu chỉnh, tư vấn cung cấp thiết bị, dịch vụ kỹ thuật các công trình trong ngành và ngoài ngành các NMD Hòa na, Hương Điền, Sông Giang 2, Koun Moun; Và cung cấp dịch vụ nhân công cho các Nhà máy điện Phú Mỹ, Cà Mau và Nhơn Trạch: với tổng Doanh thu đạt 12.65/10.64 tỷ đồng, đạt 119% kế hoạch.
 - Mặc dù doanh thu từ hoạt động tài chính giảm 47% (giảm 2.66 tỷ đồng) so với kế hoạch do chính sách nhà nước thay đổi và việc Công ty phải ứng vốn thanh toán thuế cho các đơn hàng (có giá trị thuế nhập khẩu và VAT dưới 20 tỷ) theo Phụ lục Hợp đồng bảo trì dài hạn đã ký với Tổng Công ty, nhưng PVPS vẫn hoàn thành chỉ tiêu lợi nhuận đặt ra, đây là một nỗ lực rất lớn của Ban lãnh đạo Công ty PVPS.



CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

b. Những tiến bộ đã đạt được:

- Để phục vụ công tác quản lý, đặc biệt là trong việc quản lý công tác bảo dưỡng sửa chữa định kỳ các Nhà máy điện Công ty đang thực hiện, Công ty đã hoàn thành việc thuê tư vấn xây dựng Bộ định mức sửa chữa định kỳ cho Nhà máy điện Cà Mau 1&2, Nhơn Trạch 1. Bộ định mức đã được Hội đồng quản trị thông qua đưa vào áp dụng tạm thời.

- Năm 2014, Công ty đã chuẩn bị các công việc cho thành lập Chi nhánh Vũng Áng để đảm nhiệm việc bảo dưỡng và sửa chữa Nhà máy điện Vũng Áng 1. Đến nay, Công ty đã chính thức được giao thực hiện công tác bảo dưỡng sửa chữa Nhà máy điện Vũng Áng 1; Đầu năm 2015, Chi nhánh Hà Tĩnh đã được thành lập và bắt tay vào công việc bảo dưỡng Nhà máy điện Vũng Áng.

- Năm 2014 đã tổ chức được các khóa đào tạo đúng chuyên môn đặc biệt là đào tạo tại chỗ, đáp ứng yêu cầu và nhiệm vụ công việc của Công ty, đa số các khóa học được đánh giá cao, trang bị thêm kiến thức cũng như những kỹ năng làm việc cần thiết cho CBCNV Công ty và đặc biệt là đã dần thay thế được các công việc mà trước kia phải nhờ đến chuyên gia nước ngoài.

c. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý:

- Công ty đã thực hiện việc rà soát lại toàn bộ các qui trình/qui chế/qui định hiện đang áp dụng để có chỉnh sửa bổ sung cần thiết để đảm bảo phù hợp với qui định của Pháp luật ;

- Công ty đã thực hiện lộ trình kiện toàn công tác tổ chức cán bộ, đổi mới công tác quản lý, công tác điều hành cho phù hợp với mô hình doanh nghiệp. Công tác tổ chức nhân sự của Công ty tiếp tục được củng cố, chất lượng cán bộ từng bước được nâng cao. Công tác tuyển dụng, đào tạo, luân chuyển, điều động và bổ nhiệm cán bộ đảm bảo đúng nguyên tắc, qui định của Đảng và yêu cầu của Tập đoàn, của Tổng Công ty.

2. Tình hình tài chính:

- Tình hình sử dụng tài sản, công nợ (xem Biểu 4)
- Giá trị ròng của Doanh nghiệp tại 31/12/2014: **184.187.346.174 đ**
- Số lượng cổ phần hiện hữu: **15.000.000 cp**
- Giá trị ghi sổ của cổ phiếu tại 31/12/2014: **12.457 đ/cp**
- Tình đến thời điểm hiện tại, PVPS không phát sinh nợ xấu

3. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

- Với chiến lược, mục tiêu nâng cao tỉ lệ nội địa hóa trong công tác bảo dưỡng nhà máy điện, dần dần cắt giảm phạm vi công việc của các Nhà thầu phụ nước ngoài trong các Hợp đồng đã ký nhằm gia tăng lợi nhuận và nâng cao tay nghề cho lực lượng lao động của Công ty, trong những năm tiếp theo, Công ty sẽ liên tục cải tiến bộ máy tổ chức, tăng cường công tác đào tạo chuyên sâu, tìm kiếm đối tác chiến lược để dần thay thế phạm vi công việc hiện nhà thầu phụ đang thực hiện.
- Tham gia thực hiện các công trình bảo trì, bảo dưỡng cho các nhà máy điện ngoài ngành, các nhà máy công nghiệp, các công trình biển.
- Cung cấp nguồn nhân lực cho các nhà thầu trong và ngoài nước. Đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao của PVPS.

4. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:

Nhiệm vụ sản xuất kinh doanh chủ yếu của PPS là công tác bảo trì, sửa chữa dài hạn các Nhà máy điện, chiếm khoảng 98% tổng doanh thu thực hiện của Công ty, được chia làm 3 phần chính (*Thuyết minh 16, 17 – Báo cáo kiểm toán viên*):

- Giá trị thực hiện của Nhà sản xuất gốc (Original Equipment Manufacturer – Gọi tắt là OEM): Đây là yêu cầu của Chủ Đầu tư để đảm bảo tính đồng bộ thiết bị của Nhà máy từ khi đi vào hoạt động và trong quá trình vận hành, sửa chữa, thay thế. Việc cung cấp vật tư, thiết bị được thực hiện theo khuyến cáo và tiến độ giao hàng của Nhà thầu OEM để phục vụ sửa chữa định kỳ tại các nhà máy điện. Đây là khối vật tư, thiết bị chính có giá trị lớn tạo nên giá trị hàng tồn kho và công nợ phải trả Nhà thầu phụ OEM như *Thuyết minh số 6 và 11* của Kiểm toán viên;
- Doanh thu thực thanh – thực chi: được xác định trên các nội dung công việc sau :
 - + Giá trị của vật tư phục vụ công tác bảo dưỡng, sửa chữa (chủ yếu mua trong nước) theo yêu cầu công việc của PVPS nhưng dưới sự giám sát về số lượng, giá trị... của Chủ đầu tư ;
 - + Các công việc phát sinh theo yêu cầu của chủ đầu tư nhưng nằm ngoài phạm vi công việc thực hiện của PVPS (như sửa chữa bất thường, khác phục sự cố...).
- Doanh thu tự thực hiện của PVPS : chủ yếu là nhân công, thiết bị chuyên dùng phục vụ sửa chữa và các chi phí khác liên quan. Đây là chỉ tiêu chủ yếu phản ánh năng lực quản lý và tạo lợi nhuận cho đơn vị.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

1. Đánh giá chung:

- Hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh 2014 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 2014 thông qua;
- Các tiêu chí bảo toàn vốn, hiệu suất sử dụng vốn đều vượt so với năm 2013;

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

2.1. Về thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị:

- Hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, bám sát kế hoạch được giao, cụ thể:
 - + Doanh thu đạt: 104 % kế hoạch được giao
 - + Lợi nhuận đạt: 104 % kế hoạch được giao
 - + Hệ số bảo toàn vốn: >1
- Công tác đầu tư, mua sắm tuân thủ theo “Quy chế phân cấp quyết định đầu tư và quản lý đầu thầu” do Hội đồng quản trị ban hành;
- Thường xuyên báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ do Hội đồng quản trị giao.

2.2. Về công tác quản lý điều hành:

- Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2016 – 2020 và định hướng đến năm 2015;
- Thiết lập bộ máy chuẩn bị sản xuất tại Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1, tiến tới thành lập Chi nhánh Công ty tại Hà Tĩnh triển khai công tác bảo trì bảo dưỡng dài hạn Nhà máy điện Vũng Áng 1;
- Xây dựng đội ngũ cán bộ An toàn chuyên trách, tiến tới thành lập Phòng chức năng phụ trách công tác an toàn lao động trong toàn Công ty;
- Triển khai thực hiện lộ trình nội địa hóa trong công tác sửa chữa, bảo dưỡng các nhà máy điện, tiến hành đàm phán với Nhà thầu OEM theo hướng rút gọn khối lượng thực hiện của Nhà thầu OEM, gia tăng phạm vi tự thực hiện của Công ty;
- Tiếp tục rà soát hệ thống văn bản pháp lý trong công tác quản lý để hiệu chỉnh, cập nhật thông tin quản lý phù hợp với thực tế hoạt động của Công ty qua từng thời kỳ;
- Thực hiện tiêu chuẩn hóa cán bộ, sắp xếp nhân lực theo đúng chức danh, công việc, đánh giá hiệu quả công việc để áp dụng mức lương tương ứng. Phân công, phân cấp quản lý trong ban lãnh đạo theo từng lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Thực hiện kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ các hoạt động chi tiêu, quản lý sản xuất tại các Chi nhánh. Tuân thủ Điều lệ và các quy định hiện hành của pháp luật;

3. Các kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị:



CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DÀU KHÍ VIỆT NAM BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

- Chỉ đạo, giám sát thường xuyên công tác triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014. Đồng thời hỗ trợ và phối hợp cùng Ban Giám đốc công ty tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc để xử lý và quyết định những vấn đề phức vụ cho sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất;
- HĐQT tiếp tục chỉ đạo triển khai và đẩy nhanh tiến độ thực hiện tái cơ cấu tổ chức công ty phù hợp với chỉ đạo của PVP và PVN. Chỉ đạo thực hiện việc thoái vốn đầu tư tại PAIC;
- Thành lập Chi nhánh VPPS tại Hà Tĩnh là cơ sở sản xuất trực tiếp triển khai thực hiện bảo trì, sửa chữa Nhà máy điện Vũng Áng 1, tạo nền tảng vững chắc tiếp cận thị trường khu vực miền Trung;
- Tiếp tục duy trì và đẩy mạnh mọi mặt hoạt động khác của HĐQT theo đúng quyền hạn và trách nhiệm của mình, kịp thời khắc phục những mặt yếu kém chưa làm được nhằm cùng với Ban giám đốc công ty phấn đấu đưa công ty ngày càng phát triển xứng đáng với mong muốn của Đại hội đồng cổ đông công ty;
- Tối đa hoá lợi ích cho Cổ đông; Kết hợp với việc đảm bảo thu nhập và chăm sóc quyền lợi chính đáng cho người lao động;
- Tìm kiếm thị trường tiềm năng mới kết hợp với việc nâng cao chất lượng sản phẩm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao cho khách hàng.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY:

1. Hội đồng quản trị:

a. Thành viên, cơ cấu hội đồng quản trị:

STT	Họ và tên	Chức danh trong HĐQT	Tỷ lệ nắm giữ cp có quyền biểu quyết	Chức danh tại Công ty khác
1	Bà Cao thị Liên	Chủ tịch HĐQT	15%	Không
2	Ông Phan Đại Thành	Giám đốc	12%	Không
3	Bà Trần thị Thu Trang	Thành viên độc lập		Tổng giám đốc Cty CP phong cách Anh
4	Ông Nguyễn Minh Tuấn	Thành viên không điều hành	12%	Trưởng ban Kỹ thuật PV Power
5	Ông Lê Ngọc Sơn	Thành viên	12%	Trưởng ban

	không điều hành		Thương Mại PV Power
--	-----------------	--	------------------------

b. Các tiêu ban Hội đồng quản trị: Không có

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

HDQT đã đẩy mạnh công tác giám sát hoạt động của Giám đốc và các bộ phận quản lý khác nhằm đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ đúng pháp luật, triển khai thực hiện theo đúng các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HDQT.

Định kỳ hàng tháng và bất thường, Chủ tịch HDQT đã thay mặt HDQT tham dự các cuộc họp giao ban với Ban Giám đốc, các Trưởng phòng chức năng của Công ty để nghe báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tiến độ triển khai các dự án, đồng thời có những ý kiến chỉ đạo trực tiếp tại cuộc họp.

Trong những trường hợp phát sinh các vấn đề trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc thẩm quyền HDQT/DHDCD, trên cơ sở các tờ trình của Giám đốc Công ty, Chủ tịch HDQT lấy ý kiến các ủy viên/cổ đông bằng văn bản để ban hành các Nghị quyết DHCD/HDQT kịp thời.

Trong năm 2014 HDQT đã thực hiện việc giám sát các hoạt động:

- Đánh giá kết quả thực hiện KHSXKD năm 2014 và xác định mục tiêu cụ thể cho từng tháng, Quý cho năm 2014.
- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 vào ngày 28/4/2014.
- Xem xét phương án sản xuất kinh doanh của Công ty từng Quý, kịp thời đánh giá mức độ hoàn thành kế hoạch đồng thời đưa ra định hướng, giải pháp để thực hiện mục tiêu kế hoạch cả năm 2014.
- Chỉ đạo Giám đốc và các bộ phận tập trung triển khai đồng bộ các giải pháp như: Giải pháp Kỹ thuật nhằm ổn định công tác bảo dưỡng sửa chữa các nhà máy điện kế hợp với Quản lý tài chính, Quản lý vật tư, nguồn nhân lực,... nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Giao cho Giám đốc tổ chức thực hiện và phối hợp tốt với các đoàn thể như Công đoàn và Đoàn thanh niên tổ chức các hoạt động phong trào nâng cao tinh thần đoàn kết, trách nhiệm, chia sẻ khó khăn cùng nhau phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ và đã tổ chức thành công Hội nghị người lao động năm 2014.
- HDQT đã đưa ra định hướng đúng đắn, các giải pháp phù hợp và kịp thời để chỉ đạo thực hiện hoạt động SXKD, đồng thời đảm bảo tính minh bạch và tạo điều kiện thuận lợi để cổ



CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

đồng và các nhà đầu tư cũng như các cơ quan quản lý có thể thực hiện tốt được chức năng giám sát, kiểm tra kiểm soát.

Nội dung và kết quả các cuộc họp như sau:

❖ **Cuộc họp ngày 16/04/2014:** Công tác chuẩn bị cho DHHCB thường niên năm 2014.

HDQT thảo luận các nội dung trước khi trình DHHCB thường niên năm 2014:

- Báo cáo hoạt động của Ban Giám đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013 và Kế hoạch SXKD năm 2014.
- Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2013 và kế hoạch công tác của HDQT năm 2014.
- Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2013 và kế hoạch kiểm soát năm 2014.
- Báo cáo tài chính năm 2013 đã được kiểm toán.
- Phương án phân phối lợi nhuận năm 2013 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2014.
- Mức chi trả thù lao cho HDQT, BKS năm 2013 và kế hoạch chi trả thù lao năm 2014.
- Lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2014.
- Bầu bỏ sung/thay thế thành viên HDQT độc lập.

Kết quả: Hội đồng quản trị thông qua các nội dung sau:

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện Lực Dầu Khí Việt Nam nhất trí thông qua các nội dung trước khi trình DHHCB phê duyệt, chi tiết:

- Báo cáo hoạt động của Ban Giám đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013 và Kế hoạch SXKD năm 2014.
- Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2013 và kế hoạch công tác của HDQT năm 2014.
- Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2013 và kế hoạch kiểm soát năm 2014.
- Báo cáo tài chính năm 2013 đã được kiểm toán.
- Phương án phân phối lợi nhuận năm 2013 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2014.
- Mức chi trả thù lao cho HDQT, BKS năm 2013 và kế hoạch chi trả thù lao năm 2014.
- Lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2014.
- Bầu bỏ sung/thay thế thành viên HDQT độc lập.

❖ **Cuộc họp ngày 26/04/2014:** Công tác chuẩn bị họp DHHCB thường niên năm 2014- Bầu thành viên HDQT độc lập

Kết quả: Hội đồng quản trị nhất trí giới thiệu và tiến cử Bà Trần Thị Thu Trang – Phó Tổng giám đốc – Công ty CP Viland với DHHCB thường niên năm 2015 tham gia ứng cử với chức danh thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành.

❖ **Cuộc họp ngày 21/05/2014**



CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

- Nội dung:
 - + Rà soát việc thực hiện các nội dung của Nghị quyết tại cuộc họp định kỳ quý IV/2013.
 - ✓ Công tác thực hiện đại tu NMD Cà Mau 1 và trung tu NMD Nhơn Trạch 1, 2 năm 2014;
 - ✓ Báo cáo công tác chuẩn bị sản xuất NMD Vũng Áng 1.
 - + Kế hoạch đầu thầu mua sắm thiết bị, công cụ dụng cụ cho các chi nhánh 2014.
 - + Công tác quản lý, hạch toán vật tư.
 - + Quy chế thường vận hành an toàn, kinh tế.
 - + Kế hoạch đầu thầu các gói thầu phục vụ Đại tu Nhà máy điện Cà Mau 1.
 - + Báo cáo kết quả SXKD quý I/2014, kế hoạch triển khai thực hiện quý II/2014.
 - + Xin ý kiến chi đạo về việc thực hiện doanh thu của chi nhánh Cà Mau và Nhơn Trạch.
 - Kết quả: Hội đồng quản trị thông qua các nội dung sau:**
 - Kế hoạch đầu thầu mua sắm thiết bị, công cụ dụng cụ cho các chi nhánh năm 2014.
 - + Báo cáo kết quả SXKD quý I/2014, kế hoạch triển khai thực hiện quý II/2014
 - ❖ **Cuộc họp ngày 06/08/2014**
 - Nội dung:
 - + Rà soát việc thực hiện các nội dung của Nghị quyết tại cuộc họp định kỳ quý I/2014.
 - ✓ Quy chế thường vận hành an toàn, kinh tế.
 - ✓ Công tác quản lý, hạch toán vật tư.
 - ✓ Công việc chuẩn bị cho công tác sản xuất BDSC NMND Vũng Áng 1 để có thể nhận được hợp đồng bảo dưỡng, sửa chữa NMND Vũng Áng 1
 - + Tình hình thực hiện SXKD 6 tháng đầu năm và phương hướng hoạt động 6 tháng cuối năm 2014.
 - + Rà soát các hoạt động liên quan đến tình hình thực hiện kế hoạch SXKD năm 2013.
 - + Xây dựng kế hoạch SXKD năm 2015.
 - + Công tác bảo dưỡng, sửa chữa các nhà máy điện.
 - + Điều chỉnh quy chế phân cấp quyết định đầu tư và quản lý đầu thầu.
 - + Rà soát các công việc liên quan đến xây dựng văn phòng làm việc của PVPS tại Chi nhánh Cà Mau.
 - + Bộ định mức kinh tế kỹ thuật cho công tác sửa chữa tại các nhà máy điện.
 - + Các nội dung khác (nếu có).
 - Kết quả: HĐQT đã thông qua các nội dung sau:**
 - + Báo cáo của Ban giám đốc về tình hình thực hiện SXKD 6 tháng đầu năm và phương hướng hoạt động 6 tháng cuối năm 2014
 - ❖ **Cuộc họp ngày 25/11/2014**
 - Nội dung:



CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

- + Rà soát việc thực hiện NQ cuộc họp HĐQT Quý II/2014, cụ thể:
 - ✓ Quy chế thưởng vận hành an toàn điện.
 - ✓ Rà soát điều chỉnh quy chế lương.
 - ✓ Rà soát kế hoạch SXKD năm 2015.
 - ✓ Điều chỉnh quy chế phân cấp quyết định đầu tư và quản lý đầu thầu.
 - ✓ Xây dựng văn phòng làm việc của PVPS tại Chi nhánh Cà Mau
 - ✓ Công tác xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật.
 - ✓ Công tác tài chính kế toán.
 - + Báo cáo sơ kết 9 tháng đầu năm, kế hoạch 3 tháng cuối năm 2014.
 - + Công tác mua sắm trang thiết bị ban đầu phục vụ công tác bảo dưỡng sửa chữa NMD Vũng Áng 1 năm 2014.
 - + Cung cấp vật tư phụ tùng cho 2 năm vận hành NMD Vũng Áng và cung cấp máy phát điện giàn khoan dầu khí Tam Đảo 5 cho Công ty CP chế tạo giàn khoan dầu khí.
 - + Kế hoạch triển khai tái cơ cấu và rà soát các quy chế nội bộ.
 - + Báo cáo rút kinh nghiệm trong công tác đại tu NMD Cà Mau 1.
 - + Rà soát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
 - **Kết quả: HĐQT đã thông qua các nội dung sau:**
 - + Phê duyệt bộ định mức sửa chữa định kỳ Nhà máy điện Cà Mau 1&2.
 - + Báo cáo sơ kết 9 tháng đầu năm, kế hoạch 3 tháng cuối năm 2014.
 - + Kế hoạch triển khai tái cơ cấu PVPS giai đoạn 2014-2015.
 - + Báo cáo rút kinh nghiệm trong công tác đại tu nhà máy điện Cà Mau 1
 - ❖ **Cuộc họp ngày 27/03/2015**
 - Nội dung:
 - + Báo cáo kết quả thực hiện SXKD năm 2014 và kế hoạch SXKD năm 2015.
 - + Công tác chuẩn bị để chính thức bảo dưỡng NMD Vũng Áng 1: Nhân sự, cơ sở vật chất, công tác bảo dưỡng, sửa chữa, các vấn đề khó khăn vướng mắc (Nếu có), xây dựng kế hoạch SXKD năm 2015.
 - + Báo cáo công tác chuẩn bị thực hiện công tác bảo dưỡng, sửa chữa các nhà máy điện năm 2015:
 - ✓ Đại tu NMD Cà Mau 2, tiêu tu NMD Cà Mau 1;
 - ✓ Tiêu tu NMD Nhơn Trạch 1;
 - ✓ Tiêu tu NMD Nhơn Trạch 2;
 - ✓ Thanh tra B GT12 và đại tu phần hạ áp, trung tu phần cao/trung áp tổ máy ST 18 Nhơn Trạch 1.
- Nội dung: Xây dựng kế hoạch chi tiết gồm: Tổng dự toán, kế hoạch triển khai cụ thể.
- + Báo cáo tình hình thực hiện công tác đầu tư, mua sắm trang thiết bị công cụ dụng cụ đáp ứng cho bảo dưỡng, sửa chữa các nhà máy điện năm 2015.



CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

- + Báo cáo công tác chuyên đổi hình thức hợp đồng bảo dưỡng sửa chữa nhà máy điện Cà mau và Nhơn Trạch 2.
- + Báo cáo tình hình thực hiện cung cấp vật tư phụ tùng cho 2 năm vận hành NMD Vũng Áng và cung cấp máy phát điện giàn khoan Dầu khí Tam Đảo 05 cho công ty CP chế tạo giàn khoan Dầu khí.

Kết quả: HDQT đã thông qua các nội dung sau:

- + Báo cáo công tác xây dựng văn phòng làm việc của PVPPS tại chi nhánh Cà Mau.
- + Báo cáo công tác thoái vốn tại Công ty PAIC.
- + Báo cáo kết quả thực hiện SXKD năm 2014 và kế hoạch SXKD năm 2015.
- + Báo cáo tình hình thực hiện cung cấp vật tư phụ tùng cho 2 năm vận hành NMD Vũng Áng và cung cấp máy phát điện giàn khoan Dầu khí Tam Đảo 05 cho công ty CP chế tạo giàn khoan Dầu khí.
- + Báo cáo của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông năm 2015.
- + Hợp đồng nguyên tắc cung cấp dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa nhà máy điện Vũng Áng 1.
- + Công tác chuẩn bị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015:

Hội đồng quản trị thông nhất kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 như sau:

- ✓ Thời gian tổ chức Đại hội: 8h30 ngày 15/4/2015
- ✓ Địa điểm tổ chức: Tầng 7 Tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.
- ✓ Thành phần tham dự: Tất cả các cổ đông có tên trong danh sách sở hữu cổ phần của Công ty tính đến ngày 20/3/2015 do TTKCK (VSD) cung cấp.
- ✓ Chương trình Đại hội:
 - Báo cáo hoạt động của Ban Giám đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014 và Kế hoạch SXKD năm 2015;
 - Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2014 và kế hoạch công tác của HDQT năm 2015;
 - Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2014 và kế hoạch kiểm soát năm 2015;
 - Báo cáo tài chính năm 2014 đã được kiểm toán;
 - Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2014 và kế hoạch phân phối lợi nhuận 2015;
 - Thông qua mức chi trả thù lao cho thành viên HDQT, BKS năm 2014 và kế hoạch chi trả thù lao năm 2015;
 - Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2015;
 - Các nội dung khác (Nếu có);

d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:

- Tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 được tổ chức ngày 28/4/2014 tại trụ sở PVPS, đại hội đồng cổ đông đã bầu bà Trần Thị Thu Trang – Phó Tổng giám đốc – Công ty CP Viland là thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành.
- Trong năm 2014, bà Trần Thị Thu Trang đã thực hiện đầy đủ các quyền hạn và nhiệm vụ của thành viên HĐQT. Bà Trang đã cùng với các thành viên HĐQT công ty PVPS đưa ra các quyết sách để điều hành hoạt động SXKD của công ty.

e. Hoạt động của các tiêu ban Hội đồng quản trị: Không có

f. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:

- Ông Lê Ngọc Sơn: Thạc sĩ quản trị kinh doanh

2. Ban kiểm soát:

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Họ và tên	Chức danh trong BKS	Tỷ lệ nắm giữ cp có quyền biểu quyết
1	Ông Lê Quốc Vinh	Trưởng BKS	0%
2	Ông Trần Thắng	Kiểm soát viên	0%
3	Ông Nguyễn Mạnh Hiếu	Kiểm soát viên	0%

b. Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Kiểm tra tình hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính (Luật Doanh nghiệp)
- Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị (Luật Doanh nghiệp)
- Đánh giá việc thực hiện và xử lý các khuyến nghị của các đoàn kiểm tra của các cơ quan nhà nước, cơ quan chức năng có thẩm quyền tại đơn vị (Quy chế 472)
- Đánh giá việc tuân thủ Pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị của Tổng Công ty, của Người đại diện Tổng Công ty tại doanh nghiệp (Quy chế 472)
- Đánh giá việc ban hành và thực hiện các Quy chế, Quy định nội bộ của HĐQT và của Ban Điều hành doanh nghiệp (Quy chế 472)

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính năm 2014 thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty; Ban Kiểm soát căn cứ vào các quy định của Luật kế toán, Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán hiện hành, Chính sách tài chính của Nhà nước và Quy chế tài chính của Công ty để thực hiện kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các kỹ thuật kiểm tra cần thiết, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo. Ban Kiểm soát cho rằng công việc thẩm định đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho các ý kiến nhận xét và kiến nghị đúng với chức năng nhiệm vụ của mình theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

Những hoạt động đầu tư, kinh doanh của Công ty, Ban Kiểm soát không trực tiếp tham gia quản trị điều hành, các hoạt động của Ban Kiểm soát chỉ dựa trên cơ sở hồ sơ, chứng từ do Công ty cung cấp.

c. Các kỳ họp:

- Kỳ họp định kỳ tháng: đánh giá thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh trên cơ sở các Báo cáo kế hoạch tháng;
- Kỳ họp định kỳ quý;
- + Thẩm định báo cáo tài chính quý;
- + Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh;
- + Giám sát việc thực hiện quy chế, quy định nội bộ;
- Kỳ họp bán niên/cuối năm:
- + Thực hiện kiểm tra tình hình hoạt động tại các Chi nhánh thuộc Công ty;
- + Thẩm định báo cáo tài chính bán niên/cả năm;
- + Đánh giá tình hình quản trị, cơ cấu tổ chức, lao động....
- + Giám sát việc thực hiện, xử lý các khuyến nghị của các đoàn kiểm tra chức năng tại Công ty.
- Thực hiện kiểm tra đột xuất khi cần thiết.

d. Kết quả kiểm soát:

- Đưa ra các kiến nghị điều chỉnh, xử lý các vấn đề không phù hợp trong công tác quản lý điều hành;
- Đề xuất áp dụng, vận dụng các văn bản pháp luật, cơ sở pháp lý đảm bảo điều chỉnh phù hợp với hoạt động thực tế tại Công ty;
- Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả kiểm tra, giám sát tại đơn vị.



CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát :

d. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

a.1. *Lương thành viên Hội đồng quản trị, thành viên BKS chuyên trách, Giám đốc, cán bộ quản lý:*

ST T	Họ và tên	Chức vụ	Hệ số lương		Đơn giá tiền lương cơ bản	Chức danh	HS phụ cấp kiểm nhiệm	Phụ cấp chức vụ	Ăn ca
			Cơ bản	Chức danh					
1	B. Cao thị Liên	Chủ tịch HĐQT	6.97	26.00	1,050,000	990,000	0.1		680,000
2	Ô. Phan Đại Thành	Giám đốc	6.64	26.00	1,050,000	990,000			680,000
3	Ô. Lê Quốc Vinh	Trưởng BKS	5.98	19.00	1,050,000	990,000			680,000
4	Ô. Bùi Duy Nhì	P. Giám đốc	5.98	21.00	1,050,000	990,000			680,000
5	Ô. Võ Khánh	P. Giám đốc	5.98	19.00	1,050,000	990,000			680,000
6	Ô. Mã Ngọc Kỳ	P. Giám đốc	5.98	21.00	1,050,000	990,000			680,000
7	Ô. Vũ Quang Dũng	P. Giám đốc	5.98	21.00	1,050,000	990,000			680,000
8	B. Tô Ngọc Tuyết	KTT	5.65	19.00	1,050,000	990,000			680,000
9	Ô. Hoàng Hà	Trưởng p.TH	4.33	17.00	1,050,000	990,000			680,000
10	B. Đăng V. Thúy	Trưởng p. KTKH	3.27	17.00	1,050,000	990,000			680,000
11	Ô. Ninh B. Hưng	Trưởng p. Kthuật	3.58	17.00	1,050,000	990,000			680,000
12	Ô. Đinh Q. Hưng	Trưởng p. KD &	3.58	15.00	1,050,000	990,000			680,000

Mức chi trả thực tế được đánh giá trên mức độ hoàn thành công việc theo từng bộ phận quản lý, theo đó:

- + Hoàn thành nhiệm vụ mức A (tốt): hệ số 1,2
- + Hoàn thành nhiệm vụ mức B (hoàn thành): hệ số 1,0
- + Hoàn thành nhiệm vụ mức C (không hoàn thành): hệ số 0,8

a.2. *Thù lao thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát:*

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao/tháng
1	Ông Nguyễn Minh Tuấn	Thành viên HĐQT	3.000.000
2	Ông Lê Ngọc Sơn	Thành viên HĐQT	3.000.000
3	Bà Trần thị Thu Trang	Thành viên HĐQT	3.000.000
4	Ông Trần Thăng	Thành viên BKS	2.000.000
5	Ông Nguyễn Mạnh Hiếu	Thành viên BKS	2.000.000

- e. *Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có*
- f. *Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có*
- g. *Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Tuân thủ tuyệt đối Quy chế quản trị Công ty*



CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

IV. Báo cáo tài chính:

1. Ý kiến kiểm toán:

- Đơn vị kiểm toán độc lập: CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
- Ý kiến kiểm toán độc lập:

Deloitte.

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Tầng 12A, Toà nhà Vinacorex
34 Lê Lợi, Quận Đống Đa
Hà Nội, Việt Nam
Tel : +844 62288 3568
Fax: +844 62288 5678
www.deloitte.com/vn

Số: **TCT/2014-HN-BC**

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi:
Các Chủ đồng
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 17 tháng 3 năm 2015, từ trang 04 đến trang 20, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.





CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

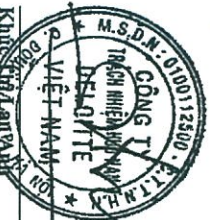
Các nhận xét đặc biệt:

Deloitte

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề cần nhận mnght

Như trình bày tại Thuyết minh số 6 và Thuyết minh số 11 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, số dư khoản mục hàng tồn kho và công nợ phải trả của Công ty bao gồm khoảng 2.878 tỷ đồng liên quan đến giá trị vật tư, thiết bị nhập khẩu phục vụ công tác bảo dưỡng Nhà máy điện Cà Mau 1, Nhà máy điện Cà Mau 2 và Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: khoảng 1.537 tỷ đồng). Giá trị hàng tồn kho và công nợ phải trả nêu trên sẽ được quyết toán và điều chỉnh khi Công ty kết thúc hợp đồng với nhà cung cấp vật tư, thiết bị. Bên cạnh đó, như trình bày tại Thuyết minh số 16 và Thuyết minh số 17 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, ngoài phần dịch vụ tự thực hiện, Công ty cũng đang ghi nhận doanh thu và giá vốn liên quan đến dịch vụ nhà thầu phụ OEM và hàng thực thành - thực chi mà Công ty nhận từ các nhà máy điện sau đó chuyển trả các nhà thầu. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Khởi Thành Lâm *(chữ ký)*

Phó Tổng Giám đốc

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số
0036-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 17 tháng 3 năm 2015

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Đỗ Trung Kiên

Kiểm toán viên

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số
1924-2013-001-1





CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MÃU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014		31/12/2013	
TÀI SẢN						
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		3.373.401.354.228	1.902.982.023.220		
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	66.012.309.533	100.676.705.534		
1. Tiền	111		13.863.536.716	15.647.538.634		
2. Các khoản tương đương tiền	112		52.148.772.817	85.029.166.700		
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		204.379.387.608	187.763.947.093		
1. Phải thu khách hàng	131		199.197.975.723	168.056.106.755		
2. Trả trước cho người bán	132		4.773.088.057	19.329.345.785		
3. Các khoản phải thu khác	135		408.323.828	378.494.553		
III. Hàng tồn kho	140	6	2.878.468.751.131	1.536.934.270.694		
1. Hàng tồn kho	141		2.878.468.751.131	1.536.934.270.694		
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		224.540.905.956	77.607.100.099		
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		5.075.210	5.591.501		
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		223.796.002.987	76.259.301.793		
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	7	739.827.759	1.342.206.805		
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		46.859.561.809	49.064.193.960		
I. Tài sản cố định	220		13.599.627.657	14.522.733.578		
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	13.262.188.860	14.346.814.223		
- Nguyên giá	222		28.903.483.644	26.280.449.526		
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(15.641.294.784)	(11.933.635.303)		
2. Tài sản cố định vô hình	227		136.919.355	175.919.355		
- Nguyên giá	228		348.117.750	348.117.750		
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(211.198.395)	(172.198.395)		
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		200.519.442	-		
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		4.401.465.174	4.401.465.174		
1. Đầu tư dài hạn khác	258	9	5.040.000.000	5.040.000.000		
2. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		(638.534.826)	(638.534.826)		
III. Tài sản dài hạn khác	260		28.858.468.978	30.139.995.208		
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	28.653.108.978	29.934.635.208		
2. Tài sản dài hạn khác	268		205.360.000	205.360.000		
TỔNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		<u>3.420.260.916.037</u>	<u>1.952.046.217.180</u>		





CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MÃ SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã Thuyết số minh	31/12/2014		31/12/2013	
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310)	300	3.232.949.636.020	1.767.858.871.006		
I. Nợ ngắn hạn	310	3.232.949.636.020	1.767.858.871.006		
1. Phải trả người bán	312	2.962.881.959.220	1.642.703.529.745		
2. Người mua trả tiền trước	313	247.776.898.265	105.351.303.003		
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	3.616.581.488	3.779.445.234		
4. Phải trả người lao động	315	12.202.618.963	7.914.136.938		
5. Chi phí phải trả	316	550.680.273	5.697.599.365		
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	3.706.576.200	1.535.140.185		
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	2.214.321.611	877.716.536		
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400	187.311.280.017	184.187.346.174		
I. Vốn chủ sở hữu	410	187.311.280.017	184.187.346.174		
1. Vốn điều lệ	411	150.000.000.000	150.000.000.000		
2. Quỹ đầu tư phát triển	417	8.576.560.146	7.411.761.952		
3. Quỹ dự phòng tài chính	418	4.281.189.642	3.479.620.338		
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	24.453.530.229	23.295.963.864		
TỔNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440	3.420.260.916.037	1.952.046.217.180		

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Ngoại tệ các loại	31/12/2014	31/12/2013
Đô la Mỹ (USD)	106,19	119,14
Đồng Euro (EUR)	2860489,36	532,44



Đinh Thủy Lâm
Người lập biểu

Tô Ngọc Tuyết
Kế toán trưởng

Phan Đại Thành
Giám đốc

Ngày 17 tháng 3 năm 2015



CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH


Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MÃU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số			
	Thuyết minh			
	2014	2013		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	1.189.257.624.727	1.060.606.155.480	
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01)	10	1.189.257.624.727	1.060.606.155.480	
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	1.121.815.604.198	999.282.173.080	
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20	67.442.020.529	61.323.982.400	
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	3.547.572.285	7.414.898.358
6. Chi phí tài chính	22	246.348	638.534.826	
7. Chi phí bán hàng	24	80.919.148	260.742.288	
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	39.426.948.332	36.658.764.595	
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30	31.481.478.986	31.180.839.049	
10. Thu nhập khác	31	96.670.103	-	
11. Chi phí khác	32	169.974.236	64.828.157	
12. (Lãi) khác (40=31-32)	40	(73.304.133)	(64.828.157)	
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	31.408.174.853	31.116.010.892	
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	20	6.954.644.624	7.820.047.028
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60	24.453.530.229	23.295.963.864	
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	21	1.630	1.553


Đinh Thủy Lâm
Người lập biểu


Tô Ngọc Tuyết
Kế toán trưởng


Phan Đại Thành
Giám đốc



Ngày 17 tháng 3 năm 2015



CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU Mã số
2014 2013

I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	31.408.174.853	31.116.010.892
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	4.132.543.363	3.721.486.386
Các khoản dự phòng	03	-	638.534.826
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(3.547.572.285)	(7.414.898.358)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	31.993.145.931	28.061.133.746
Thay đổi các khoản phải thu	09	(163.811.235.464)	73.782.241.217
Thay đổi hàng tồn kho	10	(1.341.534.480.437)	253.906.062.462
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	1.462.773.066.211	(341.884.143.917)
Thay đổi chi phí trả trước	12	1.282.042.521	971.049.236
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(7.257.506.032)	(8.390.432.889)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(16.534.967.270)	6.445.909.855
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(3.209.437.442)	(1.855.753.800)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.809.045.086	7.629.592.224
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	599.607.644	5.773.838.424
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(18.709.036.175)	(24.888.961.517)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(18.709.036.175)	(24.888.961.517)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(34.664.395.801)	(12.669.213.238)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	100.676.705.334	113.345.918.572
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	66.012.309.533	100.676.705.334



Đinh Thùy Lâm
Người lập biểu

Tô Ngọc Tuyết
Kế toán trưởng

Phan Đại Thành
Giám đốc

Ngày 17 tháng 3 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃU SỐ B 09-DN

1. THÔNG TIN KHAI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện Lực Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103021005 ngày 27 tháng 11 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ 6 ngày 02 tháng 10 năm 2012.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty TNHH Một Thành Viên - Tổng Công ty Điện Lực Dầu khí Việt Nam (PV Power).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 288 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 317).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là dịch vụ vận hành nhà máy điện; Dịch vụ kỹ thuật: bảo trì bảo dưỡng, đại tu nhà máy điện bao gồm phần thiết bị nhà máy chính và các phần có liên quan; Kinh doanh vật tư máy móc; Kinh doanh vật tư thiết bị máy móc và hệ thống thiết bị dây chuyền đồng bộ phục vụ cho ngành điện, thông tin viễn thông và các ngành công nghiệp khác; Đào tạo cung cấp nguồn nhân lực và quản lý vận hành, bảo dưỡng sửa chữa và chuyển giao công nghệ các nhà máy điện và công nghiệp; lắp đặt hệ thống điện; Tư vấn thiết kế, biên dịch, biên soạn tài liệu và các giải pháp kỹ thuật nâng cao hiệu suất nhà máy điện, các giải pháp tiết kiệm năng lượng mới, nâng lương tái tạo và cả hệ thống thiết bị công nghiệp (Không bao gồm thiết kế công trình); Thi công trạm biến áp, đường dây truyền tải và hệ thống điện, hệ thống đo lường điều khiển tự động, hệ thống thông tin viễn thông và hệ thống cung cấp và xử lý nước cho công trình công nghiệp và dân dụng; Thi công lắp đặt các công trình công nghiệp; Đầu tư sản xuất thiết bị điện, phụ tùng vật tư cho ngành điện dầu khí và các ngành công nghiệp khác; Đại lý kinh doanh viễn thông; Xuất khẩu, nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác; Kiểm tra và phân tích kỹ thuật.

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng sửa chữa cho các nhà máy điện.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃ SỐ B 09-DN

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến các báo cáo tài chính tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản lý quỹ và các khoản đầu tư dài hạn khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.





CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

4. TÒM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2014	2013
Nhà cửa, vật kiến trúc	Số năm	Số năm
Máy móc, thiết bị	6	6
Phương tiện vận tải	5 - 7	5 - 7
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 - 10	5 - 10
Tài sản cố định vô hình và khấu hao	3 - 7	3 - 7

Tài sản cố định vô hình và hình bao gồm giá trị phần mềm kế toán và phần mềm quản lý (gọi chung là “phần mềm”), được phản ánh theo nguyên giá trừ đi hao mòn lũy kế. Nguyên giá của phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê văn phòng và giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng có thời gian sử dụng ước tính trên 1 năm hoặc các khoản chi phí có thể đem lại lợi ích kinh tế cho Công ty trên 1 năm.

Tiền thuê văn phòng thể hiện số tiền thuê đã được trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.



CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM BẢO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃU SỐ B 09-DN

4. TÒM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi nhận doanh thu (Tiếp theo)

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc năm tài chính không được dùng để chia cho cổ đông.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

01/ TỶ
00/ TẾ
04/ TẾ
02/ TẾ

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃU SỐ B 09-DN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi tăng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hoãn lại hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tiền mặt	2.491.821.422	1.124.534.080
Tiền gửi ngân hàng	11.371.715.294	14.523.004.554
Các khoản tương đương tiền (i)	52.148.772.817	85.029.166.700
	66.012.309.533	100.676.705.334

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi của Công ty tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn không quá ba tháng.

6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu (i)	420.551.457.142	209.285.688.979
Công cụ, dụng cụ	91.032.600	3.900.000
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (ii)	2.457.826.261.389	1.327.644.681.715
	2.878.468.751.131	1.536.934.270.694
Trừ: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	2.878.468.751.131	1.536.934.270.694

(i) Giá trị nguyên liệu, vật liệu chủ yếu là vật tư, thiết bị nhập khẩu dự phòng phục vụ việc sửa chữa, đại tu các tổ hợp tuabin khí tại Nhà máy điện Cà Mau 1, Nhà máy điện Cà Mau 2 (thuộc Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam) và Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 (thuộc Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2) theo hợp đồng bảo trì dài hạn.

(ii) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang chủ yếu bao gồm các chi phí liên quan đến mua vật tư, thiết bị nhập khẩu và các chi phí phát sinh khác phục vụ việc duy tu, bảo dưỡng Nhà máy điện Cà Mau 1, Nhà máy điện Cà Mau 2 và Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 theo Hợp đồng giữa Công ty với nhà thầu Siemens (Siemens Aktiengesellschaft và Công ty TNHH Siemens Việt Nam).

Số dư các khoản mục hàng tồn kho và công nợ phải trả tương ứng sẽ được quyết toán và điều chỉnh khi Công ty kết thúc hợp đồng với nhà cung cấp.

KỶ * H * H * N * * *
D * M * S * D * N

CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

THUYẾT MINH BAO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÀU SỐ B 09-DN

7. TÀI SẢN NGÂN HÀNG KHÁC

	31/12/2014	31/12/2013
Tạm ứng	734.327.759	1.280.600.535
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	5.500.000	61.606.270
	739.827.759	1.342.206.805

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Công cụ
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYỄN GIÀ					
Tại ngày 01/01/2014	131.000.000	7.260.242.361	9.507.317.819	9.381.889.346	26.280.449.526
Mua sắm mới trong năm	-	175.418.000	2.759.900.000	73.600.000	3.008.918.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(385.883.882)	(385.883.882)
Tại ngày 31/12/2014	131.000.000	7.435.660.361	12.267.217.819	9.069.605.464	28.903.483.644

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Tại ngày 01/01/2014	8.311.586	2.517.419.425	3.389.144.800	6.018.759.492	11.933.635.303
Trích khấu hao trong năm	21.650.904	1.567.754.682	1.260.011.691	1.244.126.086	4.093.543.363
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(385.883.882)	(385.883.882)
Tại ngày 31/12/2014	29.962.490	4.085.174.107	4.649.156.491	6.877.001.696	15.641.294.784
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2014	101.037.510	3.350.486.254	7.618.061.328	2.192.603.768	13.262.188.860
Tại ngày 31/12/2013	122.688.414	4.742.822.936	6.118.173.019	3.363.129.854	14.346.814.223

Nguyên giá của các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 với giá trị là 3.342.112.185 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 2.511.226.537 VND).

9. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Khóa đầu tư dài hạn khác của Công ty là khoản góp vốn 5.040.000.000 VND vào Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí tương ứng 504.000 cổ phần, chiếm 11,9% vốn điều lệ của Công ty này.

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2014	31/12/2013
Chi phí thuê văn phòng dài hạn (i)	27.258.908.438	27.886.752.778
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.394.200.540	2.047.882.430
	28.653.108.978	29.934.635.208

(i) Khoản tiền thuê văn phòng theo Hợp đồng thuê với Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Việt Nguyên, dài hạn toàn bộ tăng 7, Tòa nhà HH3 Sông Đà trong thời gian 49 năm kể từ ngày ký hợp đồng, tổng số tiền phải trả là 32.402.000.000 VND. Khoản tiền thuê văn phòng trả trước sẽ được phân bổ vào chi phí thuê nhà tương ứng với thời gian thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃU SỐ B 09-DN

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BẠN

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Siemens Aktiengesellschaft (i)	2.957.096.351.144	1.641.094.201.441
Các nhà cung cấp khác	5.785.608.076	1.609.328.304
	2.962.881.959.220	1.642.703.529.745

(i) Công ty ghi nhận công nợ phải trả với Siemens Aktiengesellschaft trên cơ sở các tờ khai hải quan nhập vật tư thiết bị phục vụ cho việc duy tu, bảo dưỡng Nhà máy Điện Cà Mau 1, Nhà máy Điện Cà Mau 2 và Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2.

Số dư công nợ phải trả và khoản mục hàng tồn kho tương ứng sẽ được quyết toán và điều chỉnh khi Công ty kết thúc hợp đồng với nhà cung cấp.

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	339.093.872	206.480.335
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.872.098.618	3.174.960.026
Thuế thu nhập cá nhân	405.388.998	398.004.873
	3.616.581.488	3.779.445.234

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Chi phí trị an khách hàng	-	1.043.254.900
Phí giám định	-	707.900.000
Chi phí bảo hộ lao động	-	514.276.500
Chi phí phải trả khác	550.680.273	3.432.167.965
	550.680.273	5.697.599.365

14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGÂN HÀNG KHÁC

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Cổ tức phải trả	357.141.092	316.177.267
Khác	3.349.435.108	1.218.962.918
	3.706.576.200	1.535.140.185

CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
BẢO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃU SỐ B-09-DN

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ dự phòng tài chính		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2013	150.000.000.000	4.673.577.200	2.574.142.339	27.381.847.523				
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	23.295.963.864	-	-	23.295.963.864	
Chia cổ tức năm 2012	-	-	-	(21.000.000.000)	-	-	(21.000.000.000)	
Phân phối lợi nhuận	-	2.738.184.752	905.478.019	(6.381.847.523)	-	-	(6.381.847.523)	
Số dư tại ngày 01/01/2014	150.000.000.000	7.411.761.952	3.479.620.358	23.295.963.864				
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	24.453.530.229	-	-	24.453.530.229	
Chia cổ tức năm 2013 (1)	-	-	-	(18.750.000.000)	-	-	(18.750.000.000)	
Phân phối lợi nhuận (1)	-	1.164.798.194	801.569.284	(4.545.963.864)	-	-	(4.545.963.864)	
Số dư tại ngày 31/12/2014	150.000.000.000	8.576.560.146	4.281.189.642	24.453.530.229				

(1) Theo Nghị quyết số 91/NQ/ĐHCD-DKVT ngày 28 tháng 4 năm 2014, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thông qua phương án phân chia lợi nhuận năm 2013 như sau:

- Trích quỹ dự phòng tài chính: 801.569.284 VND;
- Trích quỹ đầu tư phát triển: 1.164.798.194 VND;
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi: 2.579.596.386 VND;
- Chia cổ tức: 18.750.000.000 VND.

Cổ phiếu	31/12/2014	31/12/2013
----------	------------	------------

- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.000.000	15.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.000.000	15.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ 6 ngày 02 tháng 10 năm 2012, vốn điều lệ của Công ty là 150.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn đã góp	
	VND	%	VND	VND
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	76.500.000.000	51	76.500.000.000	76.500.000.000
TYTL Power Service Sdn. Bhd.	27.000.000.000	18	27.000.000.000	27.000.000.000
Cổ đông khác	46.500.000.000	31	46.500.000.000	46.500.000.000
Tổng cộng	150.000.000.000	100	150.000.000.000	150.000.000.000



THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Các thang mức này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B-09-DN

16. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2014 VND	2013 VND
Doanh thu nhà thầu phụ OEM (1)	1.014.560.250.792	915.653.671.247
Doanh thu hàng thực thanh thực chi (1)	24.612.850.536	12.726.741.046
Doanh thu Công ty tự thực hiện	150.084.523.399	132.225.743.187
	1.189.257.624.727	1.060.606.155.480

(1) Đối với các dịch vụ và hàng hóa này, Công ty ghi nhận doanh thu/phải thu với các nhà máy điện liên quan đến dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng mà Công ty là nhà thầu phụ OEM.

17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp thể hiện giá vốn của Công ty với các nhà thầu chính thực hiện dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng mà Công ty là nhà thầu phụ OEM và giá vốn tương ứng với doanh thu Công ty tự thực hiện.

18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2014 VND	2013 VND
Lãi tiền gửi	3.547.572.285	7.414.898.358
	3.547.572.285	7.414.898.358

19. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2014 VND	2013 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.709.774.007.032	832.365.335.954
Chi phí nhân công	85.282.271.280	55.222.997.952
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.132.543.363	3.721.486.386
Chi phí dịch vụ mua ngoài	485.358.502.642	46.295.794.861
Chi phí bằng tiền khác	6.957.317.835	98.596.064.810
	2.291.504.642.152	1.036.201.679.963

20. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2014 VND	2013 VND
Lợi nhuận trước thuế	31.408.174.853	31.116.010.892
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Chi phí không được khấu trừ thuế	203.846.166	164.177.220
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	31.612.021.019	31.280.188.112
Thuế suất thông thường	22%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	6.954.644.624	7.820.047.028

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp từ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÀU SỐ B 09-DN

21. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	2014	2013
	VND	VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	24.453.530.229	23.295.963.864
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	15.000.000	15.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.630	1.553

22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi số	
	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	66.012.309.533	100.676.705.334
Phải thu khách hàng và phải thu khác	199.606.299.551	168.434.601.308
Đầu tư dài hạn khác	4.401.465.174	4.401.465.174
Các khoản ký quỹ	210.860.000	266.966.270
Tổng cộng	270.230.934.258	273.779.738.086
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	6.142.749.168	1.925.505.571
Chi phí phải trả	550.680.273	5.697.599.365
Tổng cộng	6.693.429.441	7.623.104.936

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.



THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃU SỐ B 09-DN

22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mức tiền quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu yếu tố chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty đánh giá rủi ro tỷ giá có khả năng phát sinh là không trọng yếu.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ số dư phải thu các bên liên quan như trình bày tại Thuyết minh số 23.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trợ giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và dư vốn mà chủ sở hữu cần kết hợp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đảo hạn theo hợp đồng còn lại với tài sản tài chính và công nợ tài chính phải sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phải sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tình thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuận.



CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
BẢO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÀU SỐ B 09-DN

22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quan lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	31/12/2014		Tổng VND
	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	
Tiền và các khoản tương đương tiền	66.012.309.533	-	66.012.309.533
Phải thu khách hàng và phải thu khác	199.606.299.551	-	199.606.299.551
Đầu tư dài hạn khác	-	4.401.465.174	4.401.465.174
Các khoản ký quỹ	5.500.000	205.360.000	210.860.000
Tổng cộng	265.624.109.084	4.606.825.174	270.230.934.258
Phải trả người bán và phải trả khác	6.142.749.168	-	6.142.749.168
Chi phí phải trả	550.680.273	-	550.680.273
Tổng cộng	6.693.429.441	-	6.693.429.441
Chênh lệch thanh khoản thuần	258.930.679.643	4.606.825.174	263.537.504.817

	31/12/2013		Tổng VND
	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	
Tiền và các khoản tương đương tiền	100.676.705.334	-	100.676.705.334
Phải thu khách hàng và phải thu khác	168.434.601.308	-	168.434.601.308
Đầu tư dài hạn khác	-	4.401.465.174	4.401.465.174
Các khoản ký quỹ	61.606.270	205.360.000	266.966.270
Tổng cộng	269.172.912.912	4.606.825.174	273.779.738.086
Phải trả người bán và phải trả khác	1.925.505.571	-	1.925.505.571
Chi phí phải trả	5.697.599.365	-	5.697.599.365
Tổng cộng	7.623.104.936	-	7.623.104.936
Chênh lệch thanh khoản thuần	261.549.807.976	4.606.825.174	266.156.633.150

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

23. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PVPower)	Chủ sở hữu
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau (trực thuộc PVPower)	Chủ sở hữu
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch (trực thuộc PVPower)	Chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	Chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Bắc Kạn	Chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	Chủ sở hữu



CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÀU SÓ B 09-DN

23. NGHIỆP VỤ VÀ SỞ DỮ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	2014	2013
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	709.939.026.665	645.573.489.208
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	25.155.041.323	27.215.034.656
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	441.509.606.377	370.858.285.229
Trả cổ tức cho cổ đông		
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	9.562.500.000	10.710.000.000
Các cổ đông khác	9.146.536.175	14.178.961.517
Phí quản lý		
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	214.000.000	200.000.000
Thu nhập của Ban Giám đốc	3.860.574.833	3.840.719.068

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:



	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Phải thu khách hàng		
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	157.201.069.284	144.301.235.738
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	10.793.582.349	6.268.617.265
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	27.386.855.113	15.385.139.390
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Bắc Kạn	421.661.907	421.661.907
Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Hòa	1.202.499.074	44.140.749
Cổ tức phải trả		
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	357.141.092	316.177.267
Các cổ đông khác		
Người mua trả tiền trước		
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	56.518.020.259	92.768.375.827
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	163.728.626.749	12.582.927.176

24. SỰ KIẾN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN


Theo Quyết định số 19/QĐ-HDQT ngày 26 tháng 01 năm 2015, Hội đồng Quản trị Công ty quyết định thành lập Chi nhánh Công ty tại Hà Tĩnh. Đến ngày phát hành báo cáo này, các công việc chuẩn bị thành lập chi nhánh vẫn đang được thực hiện.

25. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm tra cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Đinh Thùy Lâm **Tô Ngọc Tuyết**
Người lập biên **Kế toán trưởng**



Phạm Đạt Thành
Giám đốc



Ghi chú: Xem toàn văn Báo cáo tài chính tại website: www.pvpps.vn

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Đào Thị Liên